

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ SÉT GẠCH NGÓI
ĐỒNG CHINH, XÃ PHƯỚC HÒA, HUYỆN PHÚ GIÁO,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bình Dương, năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ SÉT GẠCH NGÓI
ĐỒNG CHINH, XÃ PHƯỚC HÒA, HUYỆN PHÚ GIÁO,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI CAO CẤP
GIAM ĐỐC



Trương Văn Hiện

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT
VÀ MÔI TRƯỜNG PHÚ HÒA
GIAM ĐỐC



Trần Thị Thu Vân

Bình Dương, năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I . THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở:.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	7
1.3.1. Công suất của cơ sở:	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: gồm 1 loại là Sét gạch ngói.	7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	8
1.4.1. Nhiên liệu.....	8
1.4.2. Nhu cầu điện năng	8
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	8
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG, CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	10
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	10
2.2.1. Xác định lưu lượng nguồn tiếp nhận.	11
2.2.2. Chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận.....	12
2.2.3. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước.	13
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa.....	17
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	18
3.1.3. Xử lý nước thải:	22
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	26
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	28
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	28
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	29

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	29
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	31
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành.....	31
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	34
3.8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	34
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	37
4.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	37
4.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	37
4.3. Dòng nước thải:.....	38
4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:.....	38
4.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:	39
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	44
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	44
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ THANH TRẢ, KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	44
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	47

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BKHCN	Bộ khoa học và công nghệ
BB	Biên bản
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ tài nguyên và môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTPHMT	Cải tạo phục hồi môi trường
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
KTQG	Kỹ thuật quốc gia
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SS	Chất rắn lơ lửng
SCT	Sở Công thương
SGN	Sét gạch ngói
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp tiêu hao nhiên liệu trong mỏ	8
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện	8
Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước	9
Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý	12
Bảng 2.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt.....	13
Bảng 2.3. Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận.....	14
Bảng 2.4.. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước.....	14
Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm có trong nguồn nước thải	15
Bảng 2.6. Khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm ở nguồn tiếp nhận.....	16
Bảng 3.1. Thống kê CTNH	29
Bảng 3.2: Khối lượng cải tạo PHMT theo Quyết định đã phê duyệt.....	35
Bảng 4.1. Bảng tổng hợp lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của năm 2021.....	37
Bảng 4.2. Bảng tổng hợp lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của 5 tháng đầu năm 2022.....	38

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình khai thác và các công đoạn phát sinh nước thải.....	7
Hình 2.1. Vị trí khu vực thực hiện cơ sở với các mỏ xung quanh	10
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa	17
Hình 3.1. Đê bao	18
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.....	18
Hình 3.4. Hồ thu gom nước.....	19
Hình 3.5 Moong khai thác cũ (hồ lắng 1)	20
Hình 3.6. Mương dẫn nước từ moong khai thác cũ sang hồ lắng 2.....	20
Hình 3.7. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải	22
Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt.....	23
Hình 3.9. Hồ lắng 2	24
Hình 3.10. Mô hình lắng loại bỏ các chất rắn lơ lửng	25
Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý nước thải	25
Hình 3.12. Cây xanh xung quanh mỏ.....	26
Hình 3.13. Cây xanh trồng 2 bên đường vận chuyển.....	27
Hình 3.14. Xe bồn tưới nước giảm bụi trên đường.....	27
Hình 3.15. Hệ thống phun nước giảm bụi trên đường	27
Hình 3.16. Sơ đồ thu gom CTR sinh hoạt.....	28
Hình 3.18. Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.....	30
Hình 3.19. Kho lưu trữ chất thải nguy hại	30
Hình 3.20: Biển báo ở moong phía đông	33
Hình 3.21: Biển báo nguy hiểm, bố trí xung quanh khu vực khai thác	33
Hình 3.21: Biển báo nội quy lao động tại khu mỏ hoạt động	33
Hình 4.1. Biểu đồ lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của năm 2021	37
Hình 4.2. Biểu đồ thể hiện lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của 5 tháng đầu năm 2022	38

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Tên: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp.
- Địa chỉ văn phòng: khu phố Cây Chàm, phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Trương Văn Hiện Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02743658 278 Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3700762464 do sở kế hoạch và đầu tư cấp, đăng ký lần đầu 14/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/03/2020.

1.2. TÊN CƠ SỞ:

- Tên: Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chỉnh.
- Địa điểm cơ sở: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 14/5/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công suất 400.000m³/năm;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số 67/GP.UBND ngày 22/6/2009 UBND tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích: 13,5308ha; trữ lượng khai thác: 2.613.000m³; công suất 70.000m³/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 2309/HĐ.TĐ ngày 28/08/2009 đến 31/07/2039; Quyết định thuê đất số 3267/QĐ-UBND ngày 31/07/2009; Giấy chứng nhận QSDĐ 05 giấy số TO 1212,1213,1214,1215,1216/CN-2009;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại số QLCTNH 74001497T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp lần 1 ngày 12/7/2011;
- Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 07/05/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chỉnh, công suất 70.000m³/năm.
- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 16/04/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chỉnh, Công suất 250.000m³/năm.
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 5226/GXN-STNMT ngày 8/11/2018 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp, công suất 400.000m³/năm;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 17/5/2019 do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích: 22,9ha; trữ lượng khai thác:

3.501.113m³ (TL đã khai thác 2009 -2018: 1.148.600 m³, TL tiếp tục khai thác: 2.352.513); công suất 250.000m³/năm.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 56/GP-UBND ngày 3/6/2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp;

- Quy mô của cơ sở: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Quy mô cơ sở thuộc dự án nhóm C (tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ, lĩnh vực thuộc quy định tại khoản 2 Điểm 8 của Luật đầu tư công). Với:

+ Vốn đầu tư: 50.161.240.000 (đồng).

+ Lĩnh vực hoạt động: khai thác, chế biến khoáng sản.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ:

1.3.1. Công suất của cơ sở

- Công suất khai thác: 250.000m³ sét nguyên khối/năm, tương đương 325.000m³ sét nguyên khai/năm.

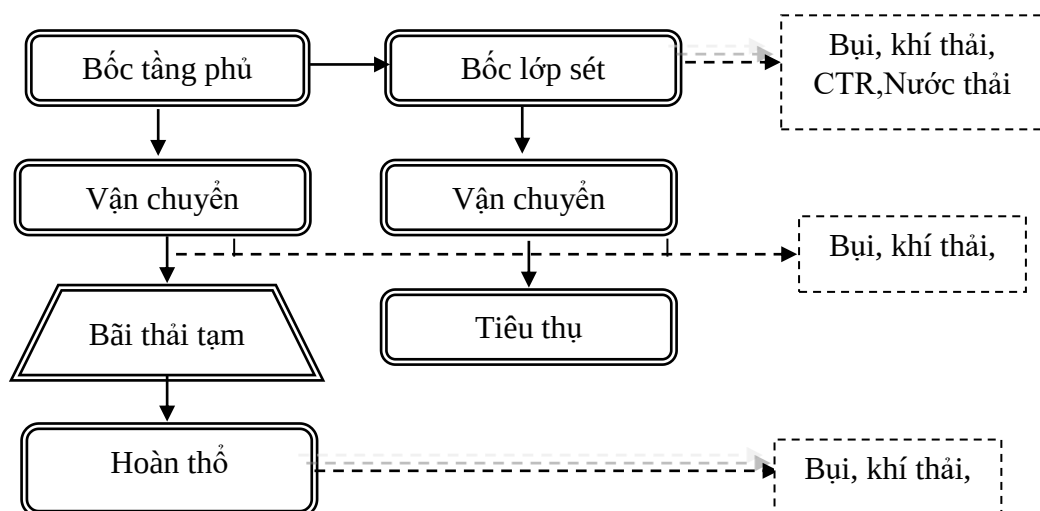
- Diện tích khai thác: 22,9ha.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình công nghệ khai thác sét gạch ngói của Khu mỏ bao gồm:

- *Bóc đất phủ*: Máy xúc thủy lực gầu ngược trực tiếp xúc đất phủ lên ô tô vận chuyển. Chuyển đất phủ gia cố đường vận chuyển, đất còn lại đến khu vực thải tạm.

- *Khai thác sét gạch*: máy xúc thủy lực gầu ngược trực tiếp xúc sét lên ô tô vận tải vận chuyển đến nơi tiêu thụ.



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình khai thác và các công đoạn phát sinh nước thải

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: gồm 1 loại là Sét gạch ngói.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

Đặc thù của ngành khai thác khoáng sản nói chung không có nguyên liệu đầu vào mà sử dụng năng lượng để phục vụ cho quá trình sản xuất, năng lượng sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, điện,...

1.4.1. Nhiên liệu

Công ty sử dụng các xe vận tải, xe cơ giới phục vụ cho hoạt động xúc bốc, khai thác. Loại nhiên liệu sử dụng gồm xăng, dầu diesel.

Bảng 1.1. Tổng hợp tiêu hao nhiên liệu trong mỏ

STT	Tên thiết bị	Số lượng (chiếc)	Nhiên liệu (lít/ca)
1	Máy xúc	2	120
2	Xe bồn tưới đường	01	50
	Tổng		170

Nguồn: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

1.4.2. Nhu cầu điện năng

Các hộ sử dụng điện trong mỏ gồm máy bơm nước, sử dụng cho chiếu sáng sinh hoạt, văn phòng. Khối lượng sử dụng khoảng 18.870 Kwh/năm.

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện

STT	Nội dung	Ca máy	Khối lượng (Kwh/ngày)	Khối lượng (Kwh/năm)
1	Điện chiếu sáng, bảo vệ	365 ngày, 12 giờ/ngày	8	2.920
2	Máy bơm nước	290 ngày, TB 3 giờ/ngày	55	15.950
	Cộng		63	18.870

Nguồn: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Tại Khu mỏ nước sử dụng chủ yếu cho mục đích sinh hoạt và nước dùng để khống chế ô nhiễm bụi. Nhu cầu hàng ngày như sau:

a. Nước sử dụng cho sinh hoạt

- *Mục đích:* nước sử dụng chủ yếu cho công nhân, nhân viên sinh hoạt vệ sinh, rửa tay chân; nước uống sử dụng từ nước đóng bình.

- *Nguồn cung cấp:* từ giếng khoan . Giếng có đường kính 60mm, sâu 45m, tọa độ giếng X: 1238810 (m); Y: 688207(m).

- *Khối lượng:* khoảng 0,4m³/ngày (Số lượng: 4 người, định mức theo Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 là 100 lít/ngày/người).

b. Nước sử dụng cho mục đích không chế ô nhiễm bụi

Hiện nay, tuyến đường vận chuyển từ Khu mỏ ra đường DT741 dài 1km được 3 đơn vị khai thác sét trong khu vực sử dụng chung, nên giao khoán cho đơn vị dịch vụ môi trường đảm nhận công tác tưới đường.

Tại khu vực sử dụng 2 hình thức để tưới đường giảm bụi gồm sử dụng xe bồn và hệ thống phun nước như sau:

- Sử dụng xe bồn phun nước:

- + Vị trí: xe tưới dọc tuyến đường từ mỏ ra đường DT741 dài 1km
- + Nguồn cung cấp: nước moong
- + Khối lượng: Sử dụng xe tưới có dung tích 8m^3 , mùa mưa chạy 4 chuyến, mùa khô 6 chuyến:

- Mùa khô: $8\text{m}^3 \times 6 \text{ chuyến/ngày} = 48 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Mùa mưa: $8\text{m}^3 \times 4 \text{ chuyến/ngày} = 32 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Sử dụng hệ thống phun nước:

- + Vị trí: trên tuyến đường vận chuyển bố trí thêm hệ thống phun nước đặt phía trước văn phòng mỏ, cách đường DT741 khoảng 500m.

- + Nguồn cung cấp: nước cấp

- + Khối lượng: Hệ thống phun định kỳ hàng ngày từ 6h45 đến 16h. (khoảng 9 giờ/ngày), nhu cầu sử dụng thực tế khoảng $1\text{m}^3/\text{giờ}$. Khối lượng sử dụng khoảng $9\text{m}^3/\text{ngày}$.

➔ Vậy tổng khối lượng nước sử dụng để tưới đường khoảng 41 - $58\text{m}^3/\text{ngày}$, trung bình $50\text{m}^3/\text{ngày}$.

Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước

Stt	Nội dung	Khối lượng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Nước sinh hoạt	0,5
2	Nước tưới đường không chế ô nhiễm bụi	50
Cộng		50,5

Nguồn: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG, CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

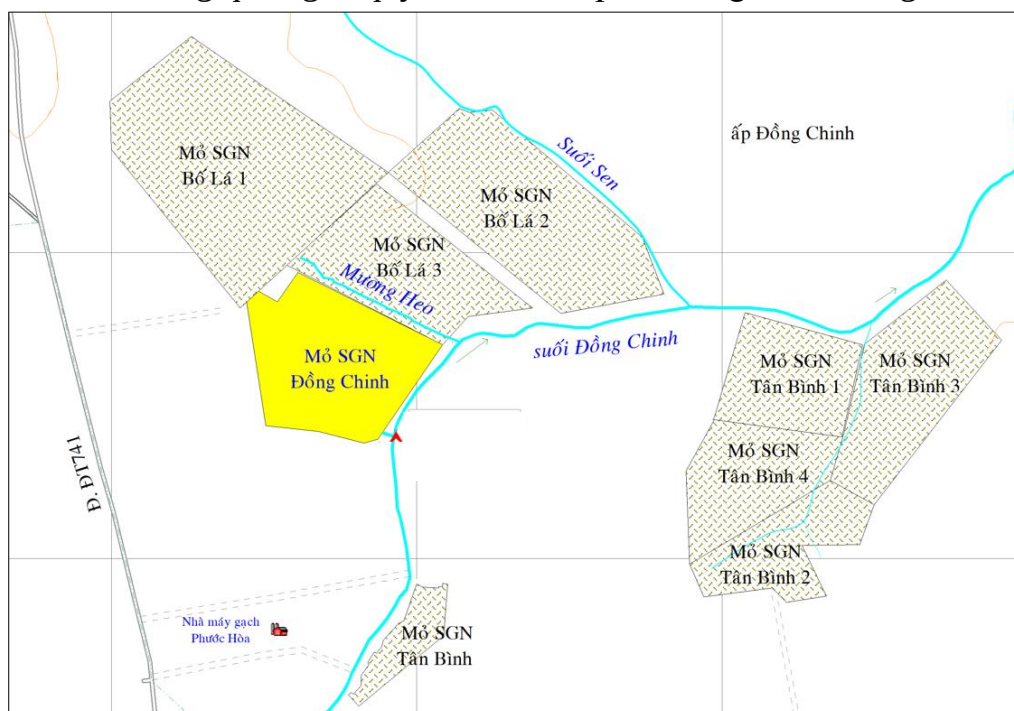
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Với mục tiêu bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững, quy hoạch bảo vệ môi trường sẽ sắp xếp, định hướng phân bố không gian, sử dụng các thành phần môi trường và các yếu tố tài nguyên phù hợp với chức năng môi trường và điều kiện thiên nhiên, kinh tế - xã hội theo định hướng phát triển bền vững.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa tổ chức hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cho dự thảo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Việc quy hoạch phân vùng môi trường sẽ quy hoạch vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác và có sự đồng bộ, thống nhất với quy hoạch của các ngành khác. Do đó, để đánh giá sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, Cơ sở sẽ căn cứ vào quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản.

Tại khu vực thực hiện Cơ sở đã hình thành vùng khai thác sét gạch ngói tập trung với 9 mỏ sét, các mỏ SGN phân bố trên 1 diện khá rộng và có diện tích mỏ khá lớn từ 14-30ha. Tất cả khu mỏ trong vùng đã được UBND tỉnh Bình Dương quy hoạch vùng khoáng sản thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản mỏ sét gạch ngói theo Quyết định số: 2497/QĐ-UBND ngày 26/09/2016 “V/v: phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030” và Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27/06/2018 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khoáng sản của tỉnh Bình Dương.

Với vị trí Cơ sở nằm trong quy hoạch vùng khoáng sản thăm dò, khai thác khoáng sản sét gạch ngói của Tỉnh, sẽ tạo tiền đề giúp Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.



Hình 2.1. Vị trí khu vực thực hiện cơ sở với các mỏ xung quanh

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Cơ sở phát sinh chủ yếu là nước thải, xả thải ra môi trường phải được xử lý.

Để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường. Báo cáo sẽ đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước thông qua các Phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của nguồn nước.

2.2.1. Xác định lưu lượng nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải của khu mỏ là suối Đồng Chinh.

1/ Đặc điểm nguồn tiếp nhận: Suối Đồng Chinh nằm phía đông nam của khu mỏ. Suối chảy theo hướng đông bắc tây nam, độ cao tuyệt đối dao động từ 32m-35m, suối dài khoảng 4km, rộng 2-5m. Suối bắt nguồn từ phía nam xã Tân Bình là ranh giới giữa 2 xã Tân Bình (huyện Bắc Tân Uyên) và xã Phước Hòa (huyện Phú Giáo) chảy vào đập Lô Sáu qua suối Sâu rồi đổ vào sông Bé, suối có nước quanh năm.

2/ Lưu lượng: Suối Đồng Chinh là con suối nhỏ nên không có trạm quan trắc lưu lượng. Để xác định lưu lượng, Công ty đã đo đạc lưu lượng dòng chảy như sau :

- Vị trí đo đạc: cách điểm xả thải 100m về phía thượng nguồn
- Mặt cắt ngang suối nơi tính lưu lượng :
 - + Ngày nắng : Chiều sâu mực nước 0,5m, mặt ngang 1,0m, mặt đáy 1,0m ; diện tích mặt cắt $f_1 = 0,5m^2$;
 - + Ngày mưa : Chiều sâu mực nước 1m, mặt ngang 2m, mặt đáy 1,5m; diện tích mặt cắt $f_1 = 1,75m^2$;
- Đo vận tốc dòng chảy :
 - + Thả chai nước suối rộng điểm đầu suối, trong thời tiết không có gió
 - + Khoảng đường đo đoạn suối thẳng, chiều rộng điểm đầu điểm cuối suối bằng nhau, đoạn suối dài 20m;
 - + Ngày nắng: Thời gian trôi 4phút 10 giây = 250s
 - + Ngày mưa: Thời gian trôi 2phút 20 giây = 140s
- Vận tốc trôi : Ngày nắng : $v_1 = 20m / 250s = 0,08m/s$.
Ngày mưa : $v_2 = 20m / 140s = 0,14m/s$
- Lưu lượng dòng chảy: + Ngày nắng : $Q_1 = f_1 v_1 = 0,04m^3/s$
+ Ngày mưa : $Q_2 = f_2 v_2 = 0,25m^3/s$

2.2.2. Chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận

1/ Chất lượng nguồn nước thải

Để đánh giá nồng độ ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý, Công ty tiến hành lấy mẫu như sau:

+ Ngày lấy mẫu: - Đợt 1: 02/03/2022.

- Đợt 2: 26/05/2022.

+ Vị trí lấy mẫu: hồ lắng;

Kết quả phân tích mẫu nước thải được trình bày như sau:

Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý

TT	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả			QCVN40:2011/ BTNMT,CộtA, $k_q=0,9, k_f = 1$
			Đợt 1	Đợt 2	Trung Bình	
1	pH	mg/L	6,83	6,97	6,9	6 – 9
2	TSS	mg/L	8	<6	8	49,5
3	BOD ₅	mg/L	9	12	10,5	29,7
4	COD	mg/L	18	21	19,5	74,25
5	Amoni (theo N)	mg/L	<0,93	<0,93	0,93	4,95
6	Tổng Nitơ	mg/L	2,64	4,28	3,46	18
7	Tổng Photpho	mg/L	0,32	0,51	0,415	3,6
8	Coliform	MPN/ 100mL	940	750	845	2700

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý của các đợt cho thấy chất lượng nước thải không biến động nhiều, các chỉ tiêu đều nằm trong các giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A. $k_q=0,9, k_f = 1,1$.

2/ Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

a. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Nước suối Đồng Chính vào mùa mưa nước đục màu vàng nhạt, mùa khô nước ít và trong vờ, không mùi; không phát triển của thủy sinh vật và các hiện tượng bất thường khác.

b. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải mở

Để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải mở, Báo cáo tổng hợp kết quả phân tích mẫu nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Ngày lấy mẫu: - Đợt 1: 02/03/2022.

- Đợt 2: 26/05/2022.

- Vị trí lấy mẫu: suối Đồng Chính.

Bảng 2.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (Cột A ₂)
			Đợt 1	Đợt 2	Trung Bình	
1	pH	-	6,87	6,89	6,88	6-8,5
2	TSS	mg/L	24	20	22	30
3	BOD ₅	mg/L	10	8	9	6
4	COD	mg/L	21	17	19	15
5	Amoni (theo N)	mg/L	0,153	0,279	0,216	0,3
6	NO ₃ ⁻ (theo N)	mg/L	1,78	0,307	1,0435	5
7	NO ₂ ⁻ (theo N)	mg/L	KPH	0,038	0,038	0,05
8	PO ₄ ³⁻ (theo N)	mg/L	0,025	<0,06	0,025	0,2
9	Coliform	MPN/ 100mL	1100	640	870	5000

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước mặt khá tốt, các chỉ tiêu như pH, amoni, NO₂⁻, Amoni, Tổng dầu mỡ, coliform... đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂. Riêng Nồng độ BOD₅, COD của các đợt quan vượt Quy chuẩn từ 1,2 đến 1,5 lần. Nguyên nhân do suối Đồng Chỉnh là kênh thoát nước chính trong khu vực, tiếp nhận nhiều nguồn nước thải như nước thải mỏ, nước thải từ hoạt động nông nghiệp cuốn theo dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón theo dòng chảy xuống Suối làm tăng nồng độ BOD₅, COD trong dòng nước.

2.2.3. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước.

Theo Mục 1, Điều 8 của Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước gồm 3 phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước gồm: Phương pháp đánh giá trực tiếp, phương pháp đánh giá gián tiếp và phương pháp đánh giá bằng mô hình.

Các phương pháp đánh giá được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng, kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn suối. Kết quả đánh giá như sau:

1/ Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

+ L_{td}: tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn suối;

+ C_{qc} : giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. (Quy chuẩn QCVN08-MT:2015/BTNMT, cột A₂)

+ Q_s : lưu lượng dòng chảy của đoạn Suối đánh giá mùa kiệt, đơn vị tính là m³/s (với $Q_s = 0,04\text{m}^3/\text{s}$).

+ Giá trị 86,4: là hệ số chuyển đổi đơn vị (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Ta có: tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt thể hiện dưới Bảng sau:

Bảng 2.3. Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận

STT	Thông số	C_{tc} (mg/l)	Q_s (m ³ /s)	L_{td} (kg/ngày)
1	TSS	30	0,04	103,7
2	BOD ₅	6	0,04	20,7
3	COD	15	0,04	51,8
4	Amoni (theo N)	5	0,04	17,3
5	NO ₃ ⁻ (theo N)	5	0,04	17,3
6	NO ₂ ⁻ (theo N)	0,05	0,04	0,2
7	PO ₄ ³⁻ (theo N)	0,2	0,04	0,7

2/ *Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước*

Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước được tính theo công thức: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$

Trong đó:

+ L_{nn} (kg/ngày): tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn suối;

+ C_{nn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l; (giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước mặt tại bảng 2.3)

+ Q_s : lưu lượng dòng chảy của đoạn suối đánh giá, đơn vị tính là m³/s; (với $Q_s = 0,07\text{m}^3/\text{s}$).

+ Giá trị 86,4: là hệ số chuyển đổi đơn vị (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.4.. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước

TT	Thông số	C_{nn} (mg/l)	Q_s (m ³ /s)	L_{nn} (kg/ngày)
1	TSS	22	0,04	76,0
2	BOD ₅	9	0,04	31,1
3	COD	19	0,04	65,7

4	Amoni (theo N)	0,216	0,04	0,7
5	NO ₃ ⁻ (theo N)	1,0435	0,04	3,6
6	NO ₂ ⁻ (theo N)	0,038	0,04	0,1
7	PO ₄ ³⁻ (theo N)	0,025	0,04	0,1

3/ Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

Tải lượng ô nhiễm của một chất ô nhiễm cụ thể từ nguồn xả thải đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Trong đó:

- L_t (kg/ngày): tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.
- C_t : kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn suối (giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước thải tại bảng 1.5), đơn vị tính là mg/l;
- Q_t (m³/s): lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn suối, đơn vị tính là m³/s; ($Q_t = 480\text{m}^3/\text{ngày} = 0,005\text{m}^3/\text{s}$).
- Giá trị 86,4: là hệ số chuyển đổi đơn vị (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Tải lượng các chất ô nhiễm trên từ khu mỏ đưa vào nguồn nước lần lượt thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm có trong nguồn nước thải

TT	THÔNG SỐ	C_t (mg/l)	Q_s (m ³ /s)	L_t (kg/ngày)
1	TSS	8	0,005	3,5
2	BOD ₅	10,5	0,005	4,5
3	COD	19,5	0,005	8,4
4	Amoni (theo N)	0,93	0,005	0,4
5	Tổng N	3,46	0,005	1,5
6	Tổng P	0,415	0,005	0,2

4. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm của nguồn tiếp nhận

Áp dụng công thức tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s$$

- L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;
- L_{td} : tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn suối;

- L_{nn} (kg/ngày): tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn suối;
- L_t (kg/ngày): tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.
- F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,3 đến 0,7; (chọn $F_s = 0,5$).

Khả năng tiếp nhận của nguồn nước sau khi tiếp nhận nước thải từ khu mỏ đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt dưới bảng sau:

Bảng 2.6. Khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm ở nguồn tiếp nhận

TT	THÔNG SỐ	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
1	TSS	103,7	76,0	3,5	12,10
2	BOD ₅	20,7	31,1	4,5	-7,45
3	COD	51,8	65,7	8,4	-11,12
4	NH ₄	17,3	0,7	0,4	8,07
5	NO ₃ ⁻ (theo N)	17,3	3,6	1,5	6,09
6	PO ₄ ³⁻ (theo N)	0,7	0,1	0,2	0,21

5/ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận chất thải của suối:

Nguồn tiếp nhận nước thải của khu mỏ là suối Đồng Chinh. Suối giữ vai trò chủ yếu là tiêu thoát nước cho khu vực. Qua quá trình quan trắc lưu lượng dòng Suối cho thấy Suối có dòng chảy nhỏ với ngày nắng khoảng 0,04m³/s và ngày mưa lưu lượng khoảng 0,25m³/s. Đây là con suối nhỏ giữ chức năng thoát nước cho khu vực nên mức độ biến đổi lưu lượng dòng chảy khá ổn định.

Các thông số đánh giá căn cứ vào Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 8/5/2012 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; với các thông số đặc trưng cho hoạt động khai thác sét gạch như TSS, BOD₅, COD, NH₄, tổng N và tổng P.

Căn cứ vào những cơ sở trên và theo kết quả tính toán đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của khu mỏ và sức chịu tải của đoạn suối Đồng Chinh tại đoạn suối đánh giá thì đoạn suối vẫn còn khả năng tiếp nhận các thông số TSS, NH₄, NO₃⁻ (theo N), PO₄³⁻ (theo N) và hết khả năng tiếp nhận đối với các thông số BOD₅, COD. Tuy nhiên, với lợi thế nước thải từ hoạt động tháo khô mỏ có thành phần ô nhiễm thấp, nước thải sau xử lý có chất lượng tốt đạt Quy chuẩn khi xả vào Suối, điều này góp phần pha loãng thành phần các chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước, cải thiện khả năng tự làm sạch Suối, đồng thời giúp bổ cập nguồn nước vào mùa khô. Vì vậy, với những đặc điểm trên, Cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

3.1.1.1. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom, thoát nước mưa

So với các nguồn nước thải khác thì nước mưa chảy tràn được đánh giá là khá sạch nên không cần qua xử lý. Để ngăn nước mưa chảy tràn vào moong khai thác cuốn theo lớp đất cát gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời gây ngập moong ảnh hưởng đến hoạt động khai thác. Công ty đã đắp đê bao và đào mương dẫn nước xung quanh khu mỏ. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom như sau:

a/ Đê bao

- Kết cấu, vật liệu: Đê được đắp từ lớp đất đầu (đất, sạn sỏi) của khu mỏ, đê có hình khối cụt, cao 2-3m. Để chống trượt lở gây mất an toàn, đê được đắp mái dốc taluy đảm bảo nghiêng sườn tầng $\alpha_{kt} = 45^\circ$.

- Kích thước: dài 3.030m, cao 2-3m; chiều rộng mặt đê 2m, chân đê 4m.

b/ Mương dẫn nước

- Kết cấu, vật liệu: là mương đất hở, được bố trí nằm phía ngoài và dưới chân đê.

- Kích thước: dài 3.030m, rộng 1m, sâu 0,5-1m.

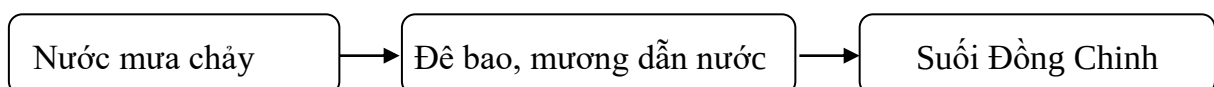
3.1.1.2. Số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát.

Công ty chỉ có 1 điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường. Điểm thoát nước mưa nằm phía đông khu mỏ, là điểm giao nhau giữa mương dẫn nước và suối Đồng Chinh.

Quy trình vận hành: Nước mưa chảy từ mương dẫn vào suối Đồng Chinh theo nguyên tắc tự chảy.

3.1.1.3. Sơ đồ minh họa

Đê bao và mương dẫn nước được bố trí xung quanh khu mỏ để ngăn nước mưa chảy tràn từ khu vực xung quanh chảy vào khu mỏ. Sau khi nước mưa chảy vào mương dẫn nước sẽ chảy thoát ra suối Đồng Chinh.



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa



Hình 3.2. Đê bao

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Gồm 2 loại nước thải là nước thải sinh hoạt và nước thải moong khai thác. Công trình thu gom, thoát nước thải như sau:

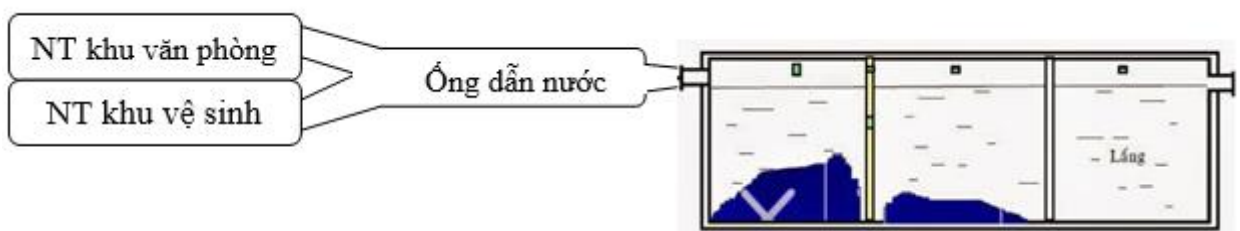
3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

1/ Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của công nhân, nhân viên làm việc tại khu mỏ và văn phòng Công ty

Vị trí: Công trình được bố trí tại khu văn phòng mỏ.

Thông số kỹ thuật: Hệ thống thu gom gồm ống nhựa PVC dẫn nước từ khu vệ sinh về bể tự hoại; kích thước ống có đường kính 60mm, dài 10m.



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

2/ Công trình thu gom nước thải sản xuất

Hoạt động khai thác của Khu mỏ không sử dụng nước. Tuy nhiên, vẫn phát sinh nước thải do khai thác lộ thiên, chịu ảnh hưởng của nước mưa rơi trực tiếp và nước dưới đất thấm rỉ chảy vào moong khai thác, dòng nước sẽ cuốn trôi đất, cát làm cho nguồn nước bị ô nhiễm.

Công trình thu gom nước thải gồm 1 hồ thu nước, ống dẫn nước và mương dẫn nước. Thông số kỹ thuật cơ bản của các công trình thu gom như sau:

a. Hồ thu gom:

+ Vị trí: nằm ở 1 góc đáy moong, có vị trí không cố định. Hồ thu được tính tiến theo hướng khai thác và độ sâu khai thác.

+ Kết cấu: bằng nền đất tự nhiên, được đào thấp hơn địa hình xung quanh.

+ Kích thước: 80m x 45m x 6m; 21.600m³.

b. Ống dẫn nước:

+ Vị trí: nằm dọc vách moong, giúp dẫn nước từ hồ thu lên mương dẫn.

+ Kết cấu, kích thước: sử dụng ống nhựa PVC có đường kính $\Phi = 168\text{mm}$, chiều dài ống dẫn nước 100m (phụ thuộc vào độ sâu moong).

c. Moong khai thác cũ (hồ lắng 1):

+ Vị trí: nằm phía nam mỏ, moong nước giúp điều hoà dòng chảy, trầm lắng một phần các chất lơ lửng có trong nước thải.

+ Kích thước: diện tích khoảng 50.000 m².

d. Mương dẫn nước

- Vị trí: nằm phía tây hồ lắng, dẫn nước từ moong khai thác cũ (hồ lắng 1) vào hồ lắng 2.

- Kết cấu, kích thước: mương đất hở; dài 10m, rộng 1m, sâu 0,5m.

e. Các thiết bị đã được xây lắp:

- Thiết bị: Máy bơm nước, công suất : 200m³/giờ.

- Số lượng 2 cái;



Hình 3.4. Hồ thu gom nước



Hình 3.5 Moong khai thác cũ (hồ lắng 1)



Hình 3.6. Mương dẫn nước từ moong khai thác cũ sang hồ lắng 2

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải

1/ Công trình thoát nước thải sinh hoạt

Nước sau xử lý tại bể tự hoại được đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

2/ Công trình thoát nước thải sản xuất

Công trình thoát nước thải moong được thiết kế đơn giản chỉ gồm mương thoát nước.

- Vị trí: nằm phía đông Hồ lắng, công trình nối liền hồ lắng và suối Đồng Chinh.

- Kết cấu, kích thước: Là mương đất hở, chiều dài 50m, rộng 1- 2m; sâu 1m.

3.1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả thải:

Vị trí xả nước thải của mỏ là ngã 3 giữa mương thoát nước và suối Đồng Chinh; được thiết kế là mương hở để dễ dàng nạo vét thường xuyên khi cát đất trầm lắng ở mương thoát. Vị Trí xả nước thải cách khu mỏ khoảng 100m.

Toạ độ vị trí xả nước thải: X: 1238398(m); Y: 688929 (m).

- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải:

Căn cứ vào Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, thì điểm xả nước thải của khu mỏ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định với các yếu tố như sau:

+ Điểm xả nước thải của khu mỏ là nơi xả nước thải từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận (Suối Đồng Chinh).

+ Điểm xả được thiết kế là mương đất hở giúp dễ dàng giám sát chất lượng nước thải sau xử lý.

+ Kích thước điểm xả rộng trung bình 1-2m, độ sâu trung bình 1m, với độ dốc 3^0 - 5^0 giúp nước sau xử lý chảy thoát dễ dàng.

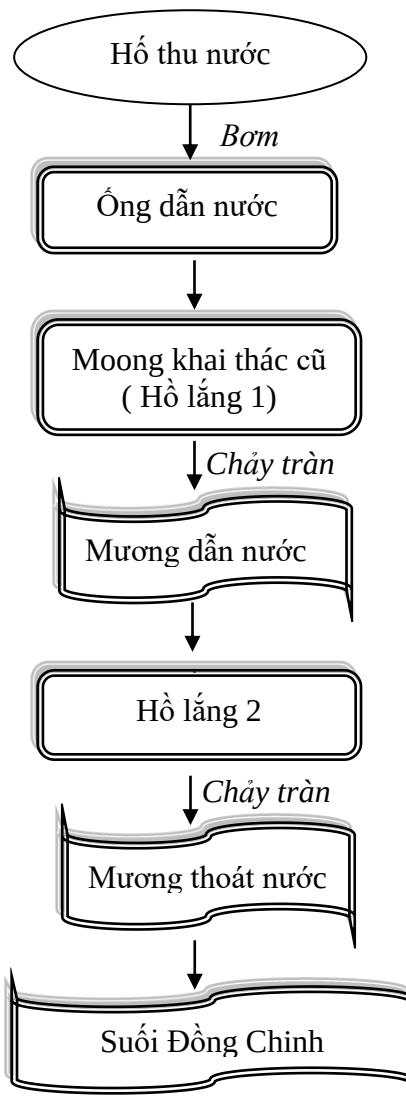
+ Điểm xả nước thải được thiết kế cách khu mỏ 150m và có vị trí cao hơn nguồn tiếp nhận 0,3m. Việc thiết kế và xây dựng này bảo đảm chống chống xâm nhập ngược từ nguồn tiếp nhận.

Vì vậy, điểm xả thải của Khu mỏ được đánh giá tốt, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải của Khu mỏ là suối Đồng Chinh, cách khu mỏ khoảng 150m về phía đông nam. Vị trí tiếp nhận thuộc xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3.1.2.4. Sơ đồ minh hoạ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải



Hình 3.7. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

Thuyết minh sơ đồ:

Hoạt động khai thác đất sét gạch theo phương pháp lộ thiên, nước thải của khu mỏ là nước mưa rơi trực tiếp và nước dưới đất thấm rỉ vào moong khai thác, dòng nước sẽ cuốn trôi đất, bụi đá làm cho nguồn nước ô nhiễm.

Tại đáy moong Công ty bố trí ở đáy moong 1 hố thu nước có độ sâu thấp hơn xung quanh. Nước thải trong moong khai thác theo địa hình chảy về hố thu nước, sau đó nước thải được bơm theo ống dẫn chảy vào moong khai thác cũ, sau đó nước thải tự chảy theo mương dẫn vào hồ lắng để được xử lý. Nước sau xử lý tại hồ lắng chảy tràn theo mương thoát nước ở phía đông nam, rồi chảy ra suối Đồng Chính.

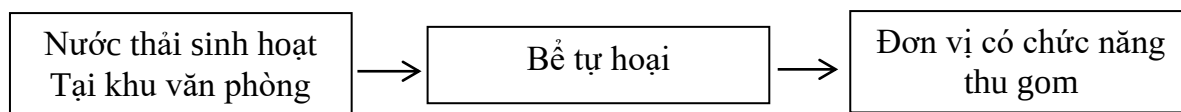
3.1.3. Xử lý nước thải:

3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,4\text{m}^3/\text{ngày}$ (4 người), lượng nước thải này phát sinh tại 2 địa điểm khác nhau gồm tại văn phòng mỏ

cách khu mỏ 200m và tại khu vực khai thác. Khối lượng nước thải phát sinh rất ít, vì vậy Công ty đã sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt.

- Đối với khu văn phòng: nước thải được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó nước thải tiếp tục được đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý.



Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

Thuyết minh công nghệ: Bể tự hoại là bể phản ứng kỵ khí với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí với công nghệ xử lý như sau:

Bể tự hoại thường được xây dựng với các ngăn tách biệt, nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò ngăn lắng, lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong lòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong bùn hình thành trong đáy bể ở điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men acid và lên men kiềm). Bể cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lưu lượng bùn cần xử lý giảm. Các ngăn cuối cùng là lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt lớp vật liệu lọc, và ngăn cản lơ lửng trôi ra theo đường ống ra nguồn tiếp nhận. Lượng bùn thải sẽ được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý 6 -12 tháng/lần.

- Đối với khu vực khai thác: nước thải sinh hoạt của công nhân khai thác tại khai trường được Công ty trang bị nhà vệ sinh di động.

3.1.3.2. Công trình xử lý nước thải moong khai thác

1. Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng

Nước thải trong hoạt động khai thác đất sét có thành phần ít ô nhiễm, chủ yếu chứa các chất rắn vô cơ như bụi đất. Vì vậy, công trình xử lý nước thải đơn giản chỉ gồm 1 hồ lắng.



Hình 3.9. Hồ lắng 2

a. Chức năng công trình

Hồ lắng giúp loại bỏ các chất rắn hoà tan như bụi đất ra khỏi nước thải dựa trên phương pháp trầm lắng theo trọng lực.

b. Quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình.

b1. Quy mô: Hồ lắng có kích thước 105m x 78m x 18m; diện tích 8.190m², dung tích hồ 147.420 m³.

b2. Công suất công trình

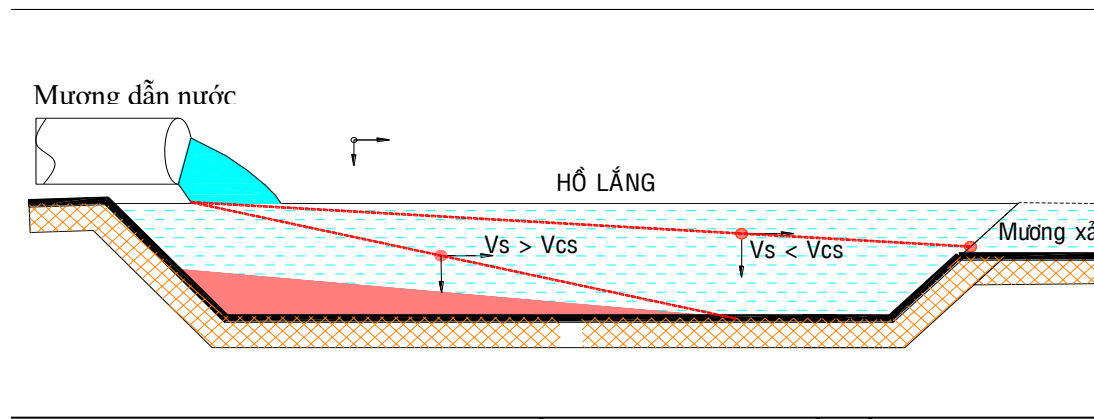
Lưu lượng thực tế: 200-500m³/ngày (sở theo dõi lưu lượng xả nước thải).

Dung tích hồ lắng khoảng 147.430 m³, lưu lượng nước thải phát sinh vào ngày lớn nhất $Q_{ln} = 500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (mùa mưa), nhỏ nhất $Q_{nn} = 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (mùa nắng) thì thời gian lưu nước trong hồ khoảng 295 đến 737 ngày. Với thời gian lưu này đủ để các chất lơ lửng trầm lắng xuống đáy hồ, thực tế qua quá trình giám sát chất lượng nước thải mong luôn đạt Quy chuẩn môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

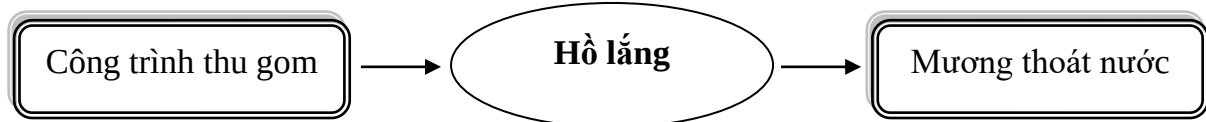
b3. Công nghệ xử lý: Cơ học (trầm lắng theo trọng lực).

b4. Quy trình vận hành

Nước thải theo các công trình thu gom tập trung về Hồ lắng để được xử lý. Tại đây, nước thải được xử lý theo phương pháp vật lý, sử dụng trọng lực để loại bỏ chất lơ lửng, bụi đất ra khỏi nguồn nước. Ở khu vực đầu vào, lưu lượng chảy theo cùng một hướng. Hồ lắng diện tích lớn khoảng 147.430 m³, khi nước chảy đến khu vực đầu ra các hạt đất cát đã được lắng đọng lại. Phần nước trong phía trên sẽ chảy tràn qua cống ra mương thoát nước tự nhiên của khu vực.



Hình 3.10. Mô hình lắng loại bỏ các chất rắn lơ lửng



Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý nước thải

b5. Chế độ vận hành của công trình

Công trình hồ lắng được vận hành theo chế độ tự chảy tràn. Nước từ công trình thu gom tự chảy vào hồ lắng để xử lý, sau đó tự chảy tràn theo mương thoát nước ra Suối.

c. Các loại hoá chất, chế phẩm sinh học sử dụng

Nước thải được xử lý theo phương pháp lắng trọng lực nên không sử dụng hoá chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải.

d. Định mức tiêu hao điện năng, hoá chất sử dụng cho quá trình vận hành

Quá trình vận hành hồ lắng không sử dụng điện. Điện năng chỉ sử dụng cho máy bơm nước tại hố thu gom với khối lượng 55 Kw/ngày.

e. Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Kết quả chất lượng nước thải sau xử lý yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$.

f. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối

Công trình hồ lắng là hố đất đào nên không có CO/CQ của thiết bị.

2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Căn cứ vào quy định tại phụ lục XXVII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thì Khu mỏ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục do:

- Khu mỏ hoạt động khai thác khoáng sản đất sét gạch không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Lưu lượng nước thải của khu mỏ thấp từ $250-500\text{m}^3/\text{ngày} < 1000\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

Hoạt động khai thác đất sét chủ yếu làm phát sinh bụi. Để giảm thiểu ô nhiễm Công ty đã thực hiện các công trình biện pháp như sau:

a. Khu vực khai thác

- Tưới nước giảm bụi khu vực moong khai thác và bãi thải. Tần suất tưới trung bình 4-6 lần/ngày.

- Trồng cây xanh quanh khu vực mỏ, mật độ cây cách cây 0,5m.

b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi trên đường vận chuyển

- + Sử dụng ô tô bồn phun nước hệ thống đường vận chuyển những ngày nắng. Tần suất 4-6 lần/ngày.

- + Công ty đã lắp đặt 1 hệ thống phun nước giảm bụi tại khu vực đường vận chuyển. Bố trí hệ thống chạy dọc 2 bên đường, trên ống được khoan những lỗ nhỏ có khả năng phun nước giảm bụi.

- + Xe chở đất được che chắn bằng bạt và điều phối xe không hoạt động tập trung để tránh thải ra môi trường lượng khí thải quá lớn trong một thời điểm.

- + Trồng cây xanh dọc đường vận chuyển từ mỏ về khu văn phòng,, quanh khu vực văn phòng mỏ.

c. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện cơ giới

- Điều phối xe ra vào tránh gây ách tắc trên đường vận tải ngoài mỏ.

- Sử dụng xe có đăng kiểm và còn niên hạn sử dụng.

- Tốc độ xe tối đa 30km/h tại đường vận chuyển và 10km/h tại khu vực moong khai thác.



Hình 3.12. Cây xanh xung quanh mỏ



Hình 3.13. Cây xanh trồng 2 bên đường vận chuyển



Hình 3.14. Xe bồn tưới nước giảm bụi trên đường



Hình 3.15. Hệ thống phun nước giảm bụi trên đường

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của công nhân, nhân viên làm việc tại văn phòng mở.

- Thành phần:

+ Các chất hữu cơ dễ phân huỷ (như đồ ăn, rau, quả,...) có khả năng gây mùi hôi khó chịu cho không khí xung quanh;

+ Các chất khó phân huỷ như túi nilon đựng sản phẩm;

+ Các thùng, hộp carton, giấy sản phẩm có khả năng tái chế lại được.

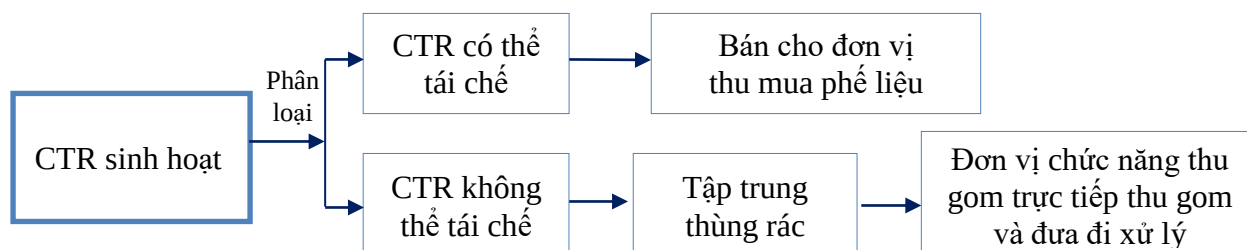
- Khối lượng: khoảng 1 kg/ngày (định mức 0,3kg/người/ngày; số lượng 4 người), tương đương 312 kg/năm.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn phát sinh sẽ được phân loại thành 2 dạng:

+ Chất thải có giá trị tái chế như lon chai kim loại, giấy, bìa carton,... được lưu chứa trong các thùng carton, bố trí tại 1 góc riêng của khu văn phòng. Loại chất thải này sẽ được thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Chất thải không có giá trị tái chế như rác hữu cơ, thực phẩm dư thừa,... được thu gom vào thùng chứa rác loại 120lit, có nắp đậy kín để đảm bảo ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường, số lượng 3 thùng. Các thùng rác được bố trí rải rác tại khu văn phòng để thuận tiện cho việc thu gom.



Hình 3.16. Sơ đồ thu gom CTR sinh hoạt

- Đơn vị thu gom, xử lý chất thải: Công ty không trực tiếp xử lý CTSH mà hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý.

+ Đơn vị thu gom, xử lý: CN xử lý chất thải - Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương.

+ Địa chỉ: số 11, Ngô Văn Trị, P Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

+ Hợp đồng: số 20-RTT/HĐ-KT/22 ngày 2/1/2022 về thu gom, vận chuyển và rác sinh hoạt.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

CTR công nghiệp thông thường của khu mỏ chính là đất cát thải (lớp đất phủ). Công ty đã sử dụng 1 phần để tạo đê bao, đắp mặt bằng khu văn phòng, nhà điều hành mỏ,... phần còn lại được lưu giữ tại bãi thải tạm để hoàn thổ.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

1. Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của Công ty và sửa chữa nhỏ của các phương tiện cơ giới.

2. Thành phần: gồm Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt,...

3. Khối lượng: CTNH phát sinh tại khu mỏ rất ít. Do phần lớn các máy móc, xe cơ giới được bảo trì, sửa chữa bên ngoài mỏ. Theo thống kê từ Báo cáo công tác BVMT mỏ sét Đồng Chanh năm 2021 khối lượng phát sinh khoảng 3kg/năm, năm 2022 chưa phát sinh chất thải. (*chứng từ đính kèm phụ lục*).

Bảng 3.17. Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dầu nhớt	18 02 01	3

Nguồn: Báo cáo công tác BVMT mỏ sét Đồng Chanh – năm 2021.

4. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty đã thực hiện phân loại, thu gom vào các thùng chứa, dán mã quản lý chất thải và lưu giữ tại khu vực CTNH. Các phương tiện, thiết bị lưu chứa đã thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với CTNH như:

a. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại

+ Sử dụng thùng phuy có vỏ cứng, khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hoá học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, rò rỉ.

+ Chịu được va chạm, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

+ Đối với CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi như đèn huỳnh quang thải, Công ty sử dụng các chứa không cần nắp đậy kín. Tuy nhiên, các thùng chứa này đều được chứa trong nhà kho có mái che nắng, mưa và kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

+ Thiết bị lưu chứa CTNH đã được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin tên và mã chất thải nguy hại.



Hình 3.18. Thùng lưu chứa chất thải nguy hại

b. Khu vực lưu giữ CTNH

+ Khu lưu giữ CTNH được đặt trong khuôn viên văn phòng mở, có diện tích 20m². Được xây dựng chắc chắn, mặt sàn kín, có tường bao xung quanh, mái che nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Ngoài ra, còn có gờ ngăn bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn và có biển cảnh báo an toàn.

+ Khu vực lưu giữ CTNH đã được trang bị các thiết bị, vật dụng như: Bình phòng cháy chữa cháy dạng bột, vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

Công ty đã lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường, có mã số QLCTNH: 74.001497.T ngày 12/07/2011 và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH, HĐ số 946-RNH/HĐ – KT/16 ngày 26/7/2016.



Hình 3.19. Kho lưu trữ chất thải nguy hại

- Đơn vị thu gom, xử lý chất thải:

+ Đơn vị nhận thu gom: Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương – CN xử lý chất thải

+ Địa chỉ: số 11, Ngô Văn Trị, P Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.

+ Mã QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

+ Hợp đồng: số 20-RNH/HĐ –KT/22 ngày 2/1/2022 về thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến khu vực xung quanh theo QCVN26:2010/BTNMT, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí cho mô hoạt động theo thời gian quy định.
- Kiểm tra, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của các thiết bị máy móc.
- Trồng cây xanh ngăn tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của Khu mỏ như sau:

- Đối với nước thải: Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý moong , nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A. Công trình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT số 5226/GXN-STNMT ngày 8/11/2018.

- Đối với chất rắn sinh hoạt: Đã xác định cơ sở tiếp nhận, vận chuyển, xử lý như chất thải rắn thông thường Công ty ký hợp đồng thu gom và xử lý với Xí nghiệp chất thải-Công ty TNHH MTV cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương.

- Đối với chất thải nguy hại: Công ty lưu giữ tại kho trước khi được vận chuyển về xử lý và ký HĐ xử lý với Xí nghiệp chất thải-Công ty TNHH MTV cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương.

- Đối với bụi, khí thải: Công ty đã bố trí hệ thống cây xanh quanh moong khai thác, hai bên đường vận chuyển; sử dụng xe bồn tưới nước để tưới giảm bụi khu vực moong khai thác và đường vận chuyển.

Song song với việc sẽ thực hiện các công trình phòng ngừa sự cố môi trường trên, Công ty còn thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như sau:

1/ Phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

Công tác phòng cháy, chữa cháy được Công ty trang bị các bình chữa cháy CO₂ loại MT5-5kg bố trí tại khu vực văn phòng mỏ và đặt ở những địa điểm

thuận tiện; các phương tiện phòng cháy, chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng;

2/ Phòng chống sét

Để phòng tránh sét gây hại đến tính mạng tài sản của Công ty. Công ty sử dụng loại thiết bị chống sét thu tĩnh điện tích tụ, trụ chống sét được bố trí trong khu vực văn phòng mở với độ cao trụ khoảng 12m.

3/ Phòng tránh sự cố do trượt lở bờ moong

- Để phòng tránh sạt lở bờ moong, sự cố môi trường trong hoạt động khai thác mỏ lộ thiên Đơn vị luôn tuân thủ đúng Thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

- Không cho các loại thiết bị có tải trọng lớn như xe xúc, xe đào, xe ủi,.. làm việc sát mép bờ moong, khoảng cách tối thiểu từ vị trí máy hoạt động đến mép bờ moong khai thác >5m.

- Quy định ranh giới bãi thải tạm cách đường vận chuyển tối thiểu 10m.

- Khi phát hiện bề mặt bờ moong khai thác có dấu hiệu nứt nẻ nhiều có khả năng sạt lở, sẽ tổ chức đánh sập các vị trí có nguy cơ sạt lở ngay.

- Trường hợp xảy ra sự cố sạt lở bờ moong thì đơn vị khai thác sẽ dọn dẹp gọn gàng khu vực sạt lở, cạy hết các khối đất, đá nứt nẻ còn sót lại trên bề mặt moong, cũng như các khối đá treo trên vách bờ moong để tránh nguy cơ chúng rơi xuống khai trường gây nguy hiểm cho người và thiết bị.

- Xung quanh moong khai thác và hồ nước bố trí biển báo nguy hiểm, tránh người dân và động vật ra vào mỏ.

4/ Phòng ngừa các động đến đời sống dân cư xung quanh.

Mặc dầu khu dân cách xa khu mỏ Công ty vẫn áp dụng các biện pháp để giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của quá trình khai thác tại mỏ như sau:

- Tưới nước giảm bụi đường vận chuyển.

- Xe chạy trên đường cấp phối ra khỏi mỏ giảm tốc độ (< 20km/giờ);

- Thường xuyên sửa chữa tu bổ hệ thống đường giao thông để đảm bảo việc đi lại thuận lợi cho người dân.

- Công ty sẽ chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.



Hình 3.20: Biển báo ở moong phía đông



Hình 3.21: Biển báo nguy hiểm, bố trí xung quanh khu vực khai thác



Hình 3.22: Biển báo nội quy lao động tại khu mỏ hoạt động

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án khai thác SGN Đồng Chỉnh đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 14/05/2009.

Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của khu mỏ. Công ty đã điều chỉnh phương án xử lý nước thải sinh hoạt so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM. Nội dung điều chỉnh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc thay đổi phương án xử lý nước thải của Công ty tại Công văn số 4586/STNMT-CCBVMT ngày 4/10/2018.

Nội dung điều chỉnh như sau:

Theo nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, số lượng công nhân viên của Công ty dự kiến khoảng 40 người, lượng nước thải phát sinh dự kiến khoảng 4m³/ngày (định mức: 100 lít/người.ngày) và Công ty đã đề xuất phương án xử lý nước thải như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể lọc sinh học nhiều khí → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Nhưng, thực tế hiện nay số lượng công nhân viên của Công ty chỉ có 4 người, với định mức sử dụng nước là 100 lít/người.ngày. Khối lượng nước thải phát sinh khoảng 400 lít/ngày (tính bằng 100% lượng nước cấp). Nguyên nhân khối lượng nước thải giảm so với dự kiến trong Báo cáo ĐTM, công ty xin được giải trình như sau :

Thứ nhất: Công nhân viên làm việc tại văn phòng mỏ hiện nay khoảng 4 người, trong đó gồm: 1 bảo vệ, 1 kế toán, 1 quản lý kho và 1 cán bộ quản lý chung.

Thứ hai: Khu vực khai thác cách văn phòng mỏ hơn 200m. Công nhân khai thác sẽ sử dụng nhà vệ sinh di động và Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý định kỳ.

Do lượng nước thải sinh hoạt phát sinh thực tế rất thấp chỉ 400 lít/ngày, nên Công ty xin đề xuất giải pháp xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt => Bể tự hoại => Đơn vị có chức năng thu gom

Việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ gây tốn kém cho Doanh nghiệp, đồng thời quá trình vận hành sẽ không hiệu quả. Vì vậy, với phương án Công ty đang áp dụng giúp tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả kinh tế và hiệu quả hơn trong công tác thực hiện quản lý môi trường tại Khu mỏ.

3.8. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Theo Quyết định 479/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (CTPHMT) Dự án khai thác mỏ SGN Đồng Chỉnh, công tác CTPHMT được thực hiện trong 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: tiến hành trong thời gian hoạt động khai thác và giai đoạn 2 sau khi kết thúc vào khai thác. Khối lượng các hạng mục theo Quyết định đã phê duyệt như sau:

Bảng 3.2: Khối lượng cải tạo PHMT theo Quyết định đã phê duyệt

STT	HẠNG MỤC BỔ SUNG	ĐVT	KHỐI LƯỢNG
I	Giai đoạn 1 – Trong thời gian khai thác		
1	Trồng cây xanh trên đê, khu văn phòng, đường vận chuyển	Cây	9.823
2	Lắp biển báo	Cái	23
3	Hoàn thổ moong khai thác	m ²	52.500
4	Trồng cây xanh trên diện tích hoàn thổ	Cây	11.330
5	Đê bao	m	1520
6	Đào mương dẫn nước	m	1.235
II	Giai đoạn 2 – sau khi kết thúc khai thác		
1	Củng cố bờ moong khai thác	m ³	847
2	Lắp đặt cống thông nước hồ - Lắp đặt cống - Đào mương rãnh	Cái m ³	6 24
3	Gia cố đê bao	m ³	152
4	Nạo vét mương	m ³	61,8
5	Cải tạo hồ lắng	m ³	52
6	Nạo vét suối	m ³	150
7	Dọn dẹp đáy moong	m ³	30.010

Nguồn: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói Đồng Chỉnh

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Hiện nay, Công ty đã mở moong với diện tích 18,5ha/22,9ha, tuổi thọ mỏ đến năm 2030. Các hạng mục CTPHMT trong giai đoạn 1(trong thời gian khai thác) được thực hiện song song với thời điểm hoạt động khai thác của khu mỏ.

Đối với các công trình CTPHM trong giai đoạn 2 sau khi kết thúc vào khai thác sẽ được Công ty thực hiện khi khu mỏ kết thúc khai thác (Đóng cửa mỏ).

- Kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Công ty đã thực hiện các hạng mục CTPHMT bao gồm các hạng mục như:

- + Trồng cây xanh: 6.767 cây.
- + Biện báo: 25 biển.
- + Đê bao: 1.400m.
- + Mương dẫn nước: 1.170m.
- + Hoàn thổ moong khai thác: 2000 m².

Khối lượng còn lại của hạng mục CTPHMT sẽ được tiếp tục trong hiện trạng suốt thời gian hoạt động còn lại của mỏ.

- Công tác ký quỹ cải tạo, Phục hồi môi trường.

- + Tổng số tiền ký quỹ CTPHMT đã được phê duyệt : 1.052.799.489 (VND);
- + Tổng số tiền đã ký quỹ đến thời điểm báo cáo: 647.856.118 (VND);

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường mỏ SGN Đồng Chính đã được phê duyệt cho thấy khu vực mỏ SGN Đồng Chính thuộc vùng có sinh thái không đa dạng, phong phú. Thực vật ban đầu là cây caosu, đất trồng hoa màu ngắn ngày.

Để bồi hoàn đa dạng sinh học tại khu vực Công ty đã trồng cây xanh mật độ dày quanh khu vực mỏ, tạo các hồ chứa nước để bổ cập nước cho khu vực, đã thực hiện tốt các hạng mục CTPHMT theo Quyết định đã được phê duyệt, nhờ đó góp phần giảm mất mát đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái môi trường.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Hoạt động khai thác sét gạch ngói của khu mỏ phát sinh chủ yếu là nước thải moong (nước từ quá trình tháo khô mỏ sét). Vì vậy, Công ty chỉ đề nghị cấp phép đối với nước thải.

4.1. Nguồn phát sinh nước thải

Khu mỏ khai thác theo phương pháp lộ thiên, nước thải của khu mỏ là nước mưa rơi trực tiếp và nước dưới đất thấm rỉ vào moong khai thác, dòng nước sẽ cuốn trôi đất cát làm cho nguồn nước ô nhiễm.

4.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Để xác định lưu lượng xả nước thải của khu mỏ, Công ty dựa vào công suất bơm và thời gian bơm hàng ngày. Công ty sử dụng 1 máy bơm công suất 200 m³/giờ, để bơm nước tháo khô mỏ; với thời gian bơm nhỏ nhất là 1 giờ/ngày, thời gian bơm lớn nhất là 2 giờ 40 phút/ngày, lưu lượng như sau:

+ Lưu lượng xả nước thải nhỏ nhất: 250 m³/ngày.

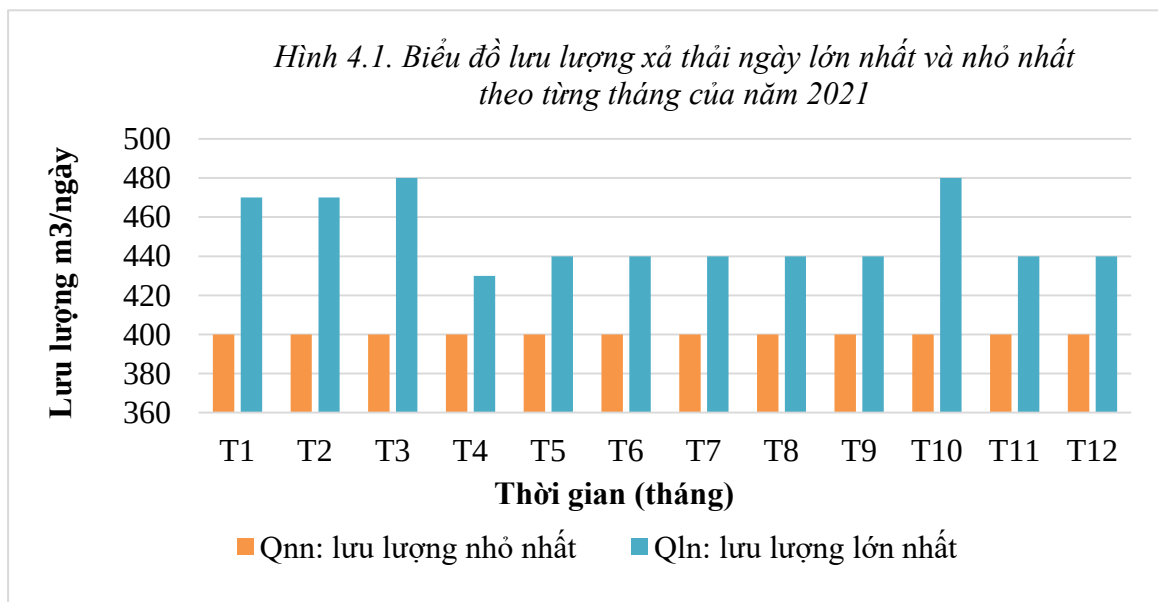
+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 480 m³/ngày.

(Số theo dõi lưu lượng xả nước thải đính kèm phụ lục 1).

Báo cáo biểu diễn sự biến động lưu lượng nước thải theo lưu lượng xả thải ngày lớn nhất (Q_{ln}) và nhỏ nhất (Q_{nn}) qua các tháng trong năm 2021 và 5 tháng đầu năm 2022 như sau:

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của năm 2021

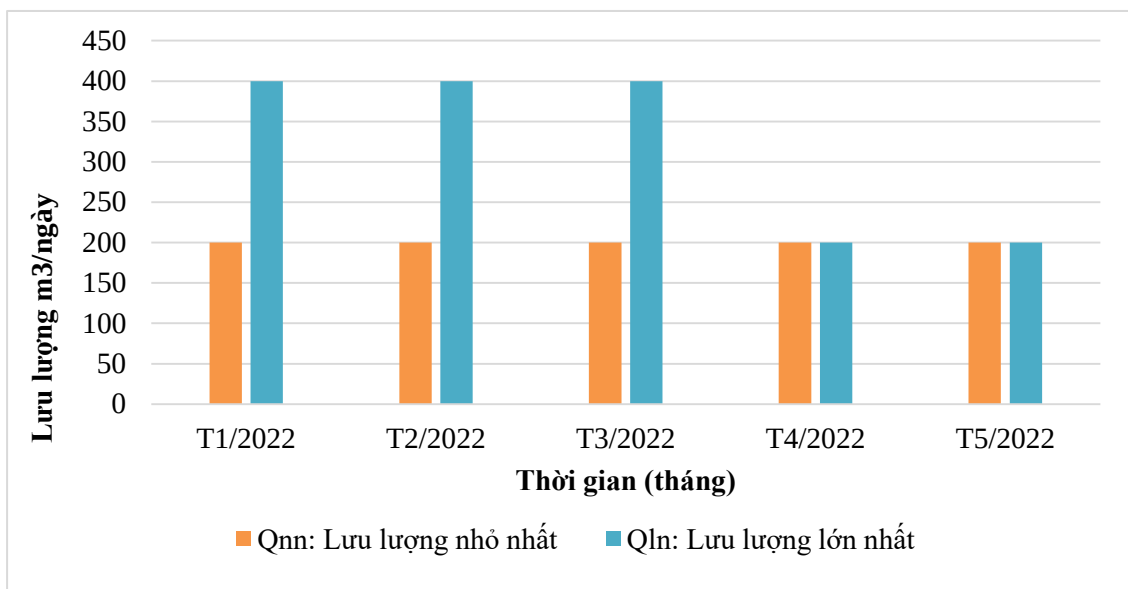
Thời gian (tháng)	Lưu lượng năm 2021 (m ³ /ngày)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Q_{nn}	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400
Q_{ln}	470	470	480	430	440	440	440	440	440	480	440	440



Bảng 4.2. Bảng tổng hợp lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của 5 tháng đầu năm 2022

Thời gian (tháng)	Lưu lượng năm 2022 ($\text{m}^3/\text{ngày}$)				
	1	2	3	4	5
Q_{nn}	200	200	200	200	200
Q_{ln}	400	400	400	200	200

Ghi chú: - Q_{nn} : Lưu lượng xả thải ngày nhỏ nhất; Q_{ln} : ngày lớn nhất ($\text{m}^3/\text{ngày}$).



Hình 4.2. Biểu đồ thể hiện lưu lượng xả thải ngày lớn nhất và nhỏ nhất theo từng tháng của 5 tháng đầu năm 2022

* **Nhận xét:** Qua quá trình theo dõi lưu lượng xả nước thải cho thấy, lưu lượng xả nước thải tại khu mỏ dao động từ $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến $480 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Phần lớn các ngày có lưu lượng xả thải lớn chủ yếu tập trung vào những ngày mưa.

4.3. Dòng nước thải:

Nước sau xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận chỉ gồm 1 dòng thải: Hồ lắng -> Mương thoát -> Suối Đồng Chính.

4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ *Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép.*

Căn cứ tại mục 3, Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 8/5/2012 về quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Các thông số đặc trưng đối với ngành vật liệu xây dựng thông thường gồm các thông số pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P.

+ *Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.*

Giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải vào nguồn tiếp nhận được như sau:

$$C_{\max} = C \times K_q \times K_f$$

Trong đó:

- + $C_{\max}$: giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải;
- + C : giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải quy định (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A);
- + K_q : hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; lưu lượng dòng chảy suối Đồng Chinh là $0,04\text{m}^3/\text{s} < 50\text{m}^3/\text{s}$ nên $k_q=0,9$.
- + K_f : hệ số lưu lượng nguồn thải; lưu lượng nguồn tại mỏ lớn nhất $480\text{m}^3/24\text{h} < 500\text{m}^3/24\text{h}$ nên $K_f = 1,1$.

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $k_q=0,9$, $k_f = 1,1$
1	pH	-	6 – 9
2	TSS	mg/L	49,5
3	BOD ₅	mg/L	29,7
4	COD	mg/L	74,25
5	Tổng Nito	mg/L	19,8
6	Tổng Photpho	mg/L	3,96

4.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: nằm về phía đông nam cách khu mỏ khoảng 100m có tọa độ như sau: X:1238398(m); Y:688929(m). Vị trí tiếp nhận thuộc xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

+ Phương thức xả thải: tự chảy tràn theo từ địa hình cao xuống thấp.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Đồng Chinh.

(Chi tiết xem Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước – đính kèm phụ lục 3).

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 2 năm liên kế gồm năm 2020 và năm 2021 của Khu mỏ như sau: (*Kết quả quan trắc đính kèm Phụ lục 2*):

1. Thời gian các đợt quan trắc:

- Năm 2020: + Đợt 1: 20/03/2020

+ Đợt 2: 18/06/2020

+ Đợt 3: 18/09/2020

+ Đợt 4: 03/12/2020

- Năm 2021: + Đợt 1: 09/03/2021

+ Đợt 2: 08/06/2021

+ Đợt 3: 20/11/2021

2. Vị trí quan trắc: Hồ lắng.

3. Thông số quan trắc: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform.

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc nước thải moong khai thác năm 2020

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $k_q=0,9$, $k_f=1,1$
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	*pH	-	6,89	7,19	7,33	6,87	6 – 9
2	*TSS	mg/L	19	23	24	18	50
3	*BOD ₅	mg/L	20	8	7	10	30
4	*COD	mg/L	38	15	15	19	75
5	*Amoni (theo N)	mg/L	0,564	0,342	0,246	1,89	5
6	*Tổng Nitơ	mg/L	5,83	2,87	3,83	4,36	20
7	*Tổng Photpho	mg/L	0,52	0,25	0,36	0,27	4
8	Coliform	MPN/ 100mL	410	270	250	90	3000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường mỏ SGN Đồng Chính, năm 2020

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải moong khai thác năm 2021

ST T	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả			QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $k_q=0,9$, $k_f=1,1$
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	*pH	-	6,77	6,56	6,9	6 – 9
2	*TSS	mg/L	15	9	20	50
3	*BOD ₅	mg/L	13	7	11	30
4	*COD	mg/L	24	16	19	75
5	*Amoni (theo N)	mg/L	0,71	0,684	<0,93	5
6	*Tổng Nito	mg/L	3,86	3,11	2,53	20
7	*Tổng Photpho	mg/L	0,34	0,35	0,37	4
8	Coliform	MPN/ 100mL	230	210	760	3000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường mỏ SGN Đồng Chính, năm 2021.

4. Đánh giá kết quả quan trắc môi trường nước thải:

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, tần suất quan trắc nước thải 3 tháng/lần, tương đương 4 lần/năm. Tuy nhiên, trong năm 2021 Công ty chỉ tiến hành quan trắc 3 lần/năm vào các đợt quý 1, 2 và 4. Riêng quý 3 không quan trắc được do xuyên suốt thời điểm này Khu mỏ phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid theo chỉ thị Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên phạm vi toàn Tỉnh.

Dựa vào kết quả quan trắc môi trường nước thải qua các năm 2020 và 2021 cho thấy, nước thải sau xử lý của khu mỏ có chất lượng tốt. Nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN40:2011/BTNM (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI VÀ KHÍ THẢI

Để đánh giá nồng độ ô nhiễm đối với bụi và khí thải, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc bụi, khí thải trong 2 năm liên kế gồm năm 2020 và năm 2021 như sau (*Kết quả quan trắc đính kèm Phụ lục 2*):

1. Thời gian các đợt quan trắc:

- Năm 2020: + Đợt 1: 20/03/2020
- + Đợt 2: 18/06/2020
- + Đợt 3: 18/09/2020
- + Đợt 4: 03/12/2020
- Năm 2021: + Đợt 1: 09/03/2021

+ Đợt 2: 08/06/2021

+ Đợt 3: 20/11/2021

2. Vị trí quan trắc:

- KK1: Khu vực văn phòng .
- KK2: Đường xuống moong khai thác.
- KK3: Giữa moong khai thác.
- KK4: Điểm cuối cùng của mỏ.

3. Thông số quan trắc: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi và khí thải năm 2020

Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Thông số không khí				
		Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
		dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
KK1	1	65,6	0,218	0,067	0,065	4,11
	2	57,9	0,187	0,052	0,045	3,69
	3	53,2	0,128	0,046	0,037	2,75
	4	60,2	0,218	0,064	0,057	4,25
QCVN 05 : 2013/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN26:2010/BTNMT		70	-	-	-	-
KK2	1	59,9	0,371	0,063	0,054	3,79
	2	56,5	0,225	0,057	0,051	3,16
	3	62,7	0,328	0,059	0,051	3,41
	4	63,7	0,725	0,071	0,063	4,89
KK3	1	52,9	0,362	0,054	0,042	3,35
	2	56,2	0,204	0,048	0,032	2,94
	3	67,6	0,404	0,073	0,062	4,58
	4	65,5	0,542	0,061	0,054	3,62
KK4	1	51,4	0,342	0,051	0,045	3,63
	2	55,6	0,168	0,046	0,035	2,78
	3	54,3	0,153	0,056	0,048	3,29
	4	66,2	0,568	0,059	0,053	3,46
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động(Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT – 10/10/2002)		<85	6	5	5	40

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường mỏ SGN Đồng Chính, năm 2020

Bảng 5.4. Tổng hợp kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2021

Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Thông số không khí				
		Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
		dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
KK1	1	65,0	0,183	0,072	0,065	4,56
	2	62,1	0,144	0,055	0,045	4,64
	3	62,7	0,158	0,063	0,055	4,22
QCVN 05 : 2013/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN26:2010/BTNMT		70	-	-	-	-
KK2	1	63,2	1,54	0,067	0,058	4,15
	2	58,2	0,158	0,062	0,050	4,94
	3	69,2	0,429	0,072	0,062	4,88
KK3	1	50,7	1,26	0,053	0,042	3,27
	2	59,7	0,167	0,052	0,037	3,91
	3	64,3	0,311	0,06	0,054	3,62
KK4	1	68,5	1,02	0,064	0,059	3,81
	2	55,5	0,132	0,050	0,040	3,65
	3	54,3	0,172	0,058	0,053	3,51
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động(Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT – 10/10/2002)		<85	6	5	5	40

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường mỏ SGN Đồng Chanh, năm 2021

4. Đánh giá kết quả quan trắc môi trường bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi của khu mỏ chủ yếu từ các hoạt động như xúc bốc đất, khai thác và vận chuyển đất sét; khí thải phát sinh từ các xe cơ giới như xe xúc, xe ủi và xe vận tải. Dựa vào kết quả quan trắc môi trường qua các năm 2020 và 2021 được tổng hợp tại các [bảng 5.3](#) và [bảng 5.4](#) cho thấy:

- *Tại khu vực xung quanh:* quan trắc tại khu vực văn phòng mỏ, kết quả quan trắc qua các đợt đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh.

Tiếng ồn có kết quả quan trắc nằm trong giới hạn của Quy chuẩn QCVN26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- *Tại khu vực khai thác:* Mẫu khí được quan trắc tại 3 vị trí, kết quả quan trắc cho thấy nồng độ các chỉ tiêu quan trắc thấp hơn giới hạn cho phép quy định tại Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT – 10/10/200- giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Công trình Hồ lắng xử lý chất thải của cơ sở khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thì không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Vì vậy, Báo cáo không phải lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải sản xuất

- Vị trí giám sát: Hồ lắng
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, amoni, tổng N, tổng P, coliform
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

b. Quan trắc nước thải sinh hoạt

Theo báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chương trình quan trắc nước thải sinh hoạt như sau:

- Vị trí giám sát: Khu vực văn phòng
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, amoni, tổng N, tổng P, coliform
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN14:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Tuy nhiên, hiện nay nước thải sinh hoạt tại Khu mỏ phát sinh rất ít khoảng 1m³/ngày và phát sinh không liên tục. Nước sau bể tự hoại đã được Đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý. Cụ thể, qua các đợt quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 và 2022 tại Khu mỏ không có nước thải sinh hoạt nên không thể lấy mẫu nước thải. Vì vậy, Báo cáo đề xuất không quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt định kỳ theo như Chương trình quan trắc môi trường đã được phê duyệt.

c. Quan trắc bụi, khí thải

- Vị trí giám sát: 4 vị trí, gồm:
 - + Khu vực văn phòng;
 - + Đường xuống moong khai thác;
 - + Điểm giữa moong khai thác;
 - + Điểm cuối cùng của mỏ
- Tần suất: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + Quy chuẩn QCVN26:2010/BTNMT – Quy chuẩn KTQG về tiếng ồn.
 - + Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT – 10/10/200- giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Khu mỏ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (xem 3.1.3.2). Vì vậy, không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Bảng 5.1. Tổng hợp chi phí giám sát môi trường

ĐVT: đồng

STT	Tên chỉ tiêu và công việc	Đơn vị	Số điểm lấy mẫu	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền
I	Lấy mẫu và phân tích mẫu				7.400.000
1	Giám sát chất lượng không khí	Mẫu	4	4	2.600.000
2	Giám sát chất lượng nước thải moong	Mẫu	4	4	4.800.000
II	Khảo sát và lập báo cáo				4.800.000
	Khảo sát , lấy mẫu và vận chuyển mẫu	Lần		4	4.800.000
	Tổng cộng (I+II)				12.200.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời điểm 02 năm gần nhất gồm năm 2020 và 2021, Khu mỏ không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chỉnh do Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp làm chủ đầu tư, thực hiện tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, Công ty đã hoàn thành xây dựng hạng mục bảo vệ môi trường của cơ sở.

Căn cứ Điều 39 Luật BVMT năm 2020, Cơ sở thuộc dự án nhóm II có phát sinh nước thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức. Vì vậy Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường. Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, bao gồm:

- + QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn chất lượng tiếng ồn;

- + QCVN 05:2013/BTNMT: Chất lượng không khí – quy chuẩn chất lượng không khí xung quanh;

- + QCVN 40:2011/BTNMT: quy chuẩn chất lượng nước thải công nghiệp;

- + Chất thải rắn được quản lý theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và chất thải nguy hại quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

PHỤC LỤC 1

CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700762464

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 11 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 02 tháng 03 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIGH - GRADE BRICK - TILE
CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 246, Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 0650.3658278

Fax: 0650.3625379

Email: gachngoimc@yahoo.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 50.161.240.000 đồng.

*Bằng chữ: Năm mươi tỷ một trăm sáu mươi một triệu hai trăm bốn mươi
nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 5.016.124

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG VĂN HIỆN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc điều hành

Sinh ngày: 24/12/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281012598

Ngày cấp: 28/10/2007

Nơi cấp: BÌNH DƯƠNG

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 44/15 Khu phố Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành
phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 44/15 Khu phố Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Thanh Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 46124000039

Chứng nhận lần đầu: ngày 07 tháng 4 năm 2009

**BẢN SAO
ĐÃ THU LỆ PHÍ**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 5 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH12 được Quốc hội thông qua tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Xét bản đăng ký cấp Giấy Chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP** nộp ngày 27 tháng 3 năm 2009;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 700762464, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2006, nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính ấp Cây Chàm, xã Thanh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện bởi ông **LE MINH HOÀNG**: sinh ngày 05 tháng 8 năm 1969; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; Giấy chứng minh nhân dân số 280425515; cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005; nơi cấp Công an Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú 32/8, ấp Đồng, xã Đồng Hòa, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay 32/8, ấp Đồng, xã Đồng Hòa, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Tên dự án đầu tư: **DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ SÉT ĐỒNG CHÍNH.**

Điều 2: Mục tiêu và quy mô của dự án: Khai thác sét gạch ngói có chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn ngành xây dựng.

Quy mô của dự án: công suất thiết kế 400.000m³/năm.



Điều 3: Địa điểm thực hiện dự án: ấp Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất sử dụng 14,4235 ha.

Điều 4: Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 58.444.458.000 (năm mươi tám tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn) đồng. Trong đó:

Vốn góp để thực hiện dự án là 40.950.000.000 (bốn mươi tỷ chín trăm năm mươi triệu) đồng.

Tiến độ góp vốn hoàn thành việc góp vốn vào tháng 12 năm 2009.

Điều 5: Thời hạn hoạt động của dự án là 16 (mười sáu) năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác mỏ.

Điều 6: Tiến độ thực hiện dự án:

Xây dựng cơ bản từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2009;

Hoạt động khai thác từ tháng 01/2010 đến tháng 12 năm 2025;

Đóng cửa mỏ vào năm 2026.

Điều 7: Các ưu đãi đối với dự án:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH12 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Tiền thuê đất hàng năm đối với diện tích đất sử dụng tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 8: Giấy chứng nhận đăng ký được lập thành 02 (hai) bản gốc, một bản cấp cho Doanh nghiệp và một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Hòa An, ngày 20 tháng 9 năm 2009.

Chủ tịch UBND Phường Hòa An



KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Văn Hùng

Võ Thanh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1923/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án khai thác lộ thiên mỏ sét Đồng Chanh, công suất 400.000 m³/năm
tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
của Công ty cổ phần Gạch ngói cao cấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số: 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: ...219.../TTr-STNMT-MT ngày 12 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác lộ thiên mỏ sét Đồng Chanh, công suất 400.000 m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Gạch ngói cao cấp.

Điều 2. Công ty cổ phần Gạch ngói cao cấp có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, toàn bộ nước thải phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5945:2005 loại A, K_q = 0,9, K_r = 1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

- Khí thải phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn TCVN 5939:2005 và TCVN 5940:2005;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát các nguồn thải định kỳ 03 tháng/lần và chất lượng môi trường không khí xung quanh định kỳ 06 tháng/lần, đồng thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác;

- Thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác đối với khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, Công ty cổ phần Gạch ngói cao cấp phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo Điều 2, Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, Giám đốc Công ty cổ phần Gạch ngói cao cấp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. *tt*

Nơi nhận: *h*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN & MT, Sở XD;
- UBND huyện Phú Giáo;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Cư, Trúc), Lâm, TH;
- Lưu: VT. *vt*



Trần Thị Kim Vân 2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 67 /GP-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 6 năm 2009

**GIẤY PHÉP
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN SÉT GẠCH NGÓI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 293/TTr-STNMT ngày 15/6/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp được khai sét gạch ngói Đồng Chỉnh tại mỏ sét đồng Chỉnh, ấp Đồng Chỉnh, xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích khu vực khai thác: 135.308m² được giới hạn bởi các điểm góc M1, M2, M3, M4, M5 (khu I) và M1, M2, M3....M34 (khu II) có tọa độ VN2000 xác định trên bản đồ kèm theo.

- Trữ lượng khai thác: 2.613.000m³; thân khoáng trung bình: 17,75m (12,35m – 21,15m); bề dày lớp phủ trung bình: 2,43m (1,75m – 3,04m).

- Công suất khai thác: 70.000 m³/năm.

- Độ sâu Trung bình khai thác: 20,18m

- Thời hạn khai thác: 30 năm.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 1866 QUYẾN SỐ 01
Ngày 22 tháng 7 năm 2009
TM. UBND XÃ THANH PHƯỚC



Nguyễn Văn Bình

Điều 2. Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp có trách nhiệm:

1. Hoạt động khai thác khoáng sản theo báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, thiết kế mỏ đã được thẩm định phê duyệt, các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, ký quỹ phục hồi môi trường, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động khoáng sản theo giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp nộp: Thông báo về giám đốc điều hành mỏ được cơ quan nhà nước chấp thuận và kế hoạch khai thác của đơn vị cho Sở Tài nguyên và Môi trường, ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất, đăng ký khu vực khai thác mỏ và hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: /

- CT, các PCT;
- Cục Địa chất VN;
- Chi Cục Địa chất và KSMN;
- Sở Tài nguyên và Môi trường BD;
- Sở Công thương;
- UBND huyện Trà Cú;
- Cty CP gạch ngói Cao cấp;
- LĐVP (Cư, Trú), Lâm;
- Lưu :VT /



Trần Thị Kim Vân

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Số đăng ký ...ĐK-TNMT, ngày ... tháng 06 năm 2009





TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC KHU VỰC KHAI THÁC

Mô sê đồng Chỉnh của Công ty cổ phần gạch ngói cao cấp
(Kèm theo GP khai thác số 67/GP-UBND, ngày 24/6/2009 của UBND tỉnh BD).

STT	MỐC CẤP PHÉP	MỐC ĐẤT ĐAI	TOẠ ĐỘ VN 2000	
			X(m)	Y(m)
	KHU 1			
1	M1	M133	¹² 38-545	⁶ 07-122
2	M2	M138	¹² 38-579	⁶ 07-080
3	M3	M141	¹² 38-596	⁶ 07-029
4	M4	M147	¹² 38-528	⁶ 07-003
5	M5	M158	¹² 38-487	⁶ 07-079
	KHU 2			
6	M1		¹² 38-781	⁶ 07-036
7	M2	M57	¹² 38-903	⁶ 06-808
8	M3	M59	¹² 38-791	⁶ 06-727
9	M4	M60	¹² 38-819	⁶ 06-692
10	M5	M63	¹² 38-866	⁶ 06-735
11	M6		¹² 38-921	⁶ 06-765
12	M7		¹² 38-931	⁶ 06-746
13	M8	M75	¹² 38-832	⁶ 06-676
14	M9		¹² 38-869	⁶ 06-614
15	M10		¹² 38-835	⁶ 06-576
16	M11	M86	¹² 38-784	⁶ 06-583
17	M12	M88	¹² 38-775	⁶ 06-507
18	M13	M89	¹² 38-647	⁶ 06-523
19	M14	M92	¹² 38-654	⁶ 06-603
20	M15	M93	¹² 38-425	⁶ 06-639
21	M16	M95	¹² 38-421	⁶ 06-812
22	M17	M96	¹² 38-407	⁶ 06-811
23	M18		¹² 38-368	⁶ 06-958
24	M19	M105	¹² 38-380	⁶ 07-006
25	M20	M115	¹² 38-416	⁶ 07-027
26	M21	M122	¹² 38-432	⁶ 06-972
27	M22	M124	¹² 38-475	⁶ 06-986
28	M23	M131	¹² 38-495	⁶ 06-912
29	M24	M2	¹² 38-577	⁶ 06-926
30	M25	M11	¹² 38-598	⁶ 06-869
31	M26	M19	¹² 38-562	⁶ 06-823
32	M27	M21	¹² 38-569	⁶ 06-687
33	M28	M22	¹² 38-671	⁶ 06-678
34	M29	M27	¹² 38-673	⁶ 06-750
35	M30	M29	¹² 38-701	⁶ 06-813
36	M31	M32	¹² 38-764	⁶ 06-862
37	M32	M33	¹² 38-743	⁶ 06-895
38	M33	M35	¹² 38-794	⁶ 06-928
39	M34	M40	¹² 38-749	⁶ 07-035

Bình Dương, ngày 12 tháng 7 năm 2011

SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.001 497.T
(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: ấp cây Chàm, xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 06503.658278

Fax: 06503.625379

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700762464

Ngày cấp (thay đổi lần 4): ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Mô sét Đồng Chính

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 06503.658278

Fax: 06503.625379

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, mỡ	rắn	100	18 02 01
2	Dầu nhớt thải	lỏng	50	17 02 04
3	Bao bì mềm dính hóa chất	rắn	20	18 01 01
4	Canh nhựa dính hóa chất	rắn	20	18 01 03
5	Mực máy in máy photo	rắn	10	18 02 04

6	Pin ắc quy chì thải	Rắn	5	19 06 01
7	Bóng đèn huỳnh quang	rắn	5	16 01 06
Tổng cộng:			210 Kg	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bao bì carton, giấy vụn	Rắn	100
2	Nylon/Nhựa	Rắn	100
3	Rác thải sinh hoạt	Rắn	1000
Tổng cộng:			1200 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.001 497.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 12... tháng ... năm 2011” được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý. Đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu Phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.
8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:
 - Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;
 - Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động/.

Nơi nhận:

- Cty CP gạch ngói Cao Cấp ;
- Lưu: VT, KSON, Mua4.



Tào Mạnh Quân



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1168 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 07 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói
Đồng Chỉnh công suất 70.000 m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo
của Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số: 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét đơn và nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói Đồng Chỉnh công suất 70.000 m³/năm tại ấp Đồng Chỉnh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 1737/GNĐN ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 124/TTr-STNMT ngày 13 tháng 04 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói Đồng Chỉnh công suất 70.000 m³/năm tại ấp Đồng Chỉnh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp với một số nội dung cụ thể sau:



a) Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Tổng diện tích khu vực khai thác 13,5 ha, sau khai thác sẽ san lấp, hoàn thổ diện tích 34.056 m² moong khai thác ở cote +36m, phần diện tích còn lại gia cố làm hồ chứa nước phục vụ tưới tiêu, phục hồi lại mực nước ngầm cho khu vực và trồng cây xanh xung quanh moong khai thác, bãi thải, khu công trình mỏ và dọc đường vận chuyển, và trồng cỏ chống xói mòn mái đê bao và mái taluy; lắp đặt cống thoát nước hồ, làm biển báo.

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 783.128.301 đồng.

- Số lần ký quỹ 27 lần;

+ Lần đầu, số tiền: 186.330.541 đồng; thời gian ký quỹ lần đầu tiên là sau khi dự án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt;

+ 26 lần tiếp theo, số tiền: 596.797.760 đồng; bắt đầu trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo; số tiền ký quỹ hàng năm là 22.953.760 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung đã được nêu trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Xây dựng đê chắn nước mưa cho moong khai thác, cống thoát nước mưa cho hồ chứa nước khi kết thúc khai thác, nước thải phải được thu gom xử lý đạt Quy chuẩn 40: 2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

- Hoàn thổ tối đa diện tích moong khai thác, trồng cây xanh sau khi kết thúc khai thác theo đúng thiết kế đã nêu;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, sạt lở bờ moong, các rủi ro và sự cố môi trường khác;

Điều 3. Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin báo cáo về việc thực hiện nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói Đồng Chính công suất 70.000 m³/năm tại ấp Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *yl*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND huyện Phú Giáo;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Tr, Lg), Phong, TH;
- Lưu: VT. *ly up*

KT. CHỦ TỊCH *h*



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Nam

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung
Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chính, công suất 250.000m³/năm
tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chính, công suất 250.000 m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản ngày 24 tháng 3 năm 2018 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 86./TTr-CCBVMT ngày 16 tháng 04 năm 2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chính, công suất 250.000 m³/năm được lập bởi Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp với các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung:

- Cải tạo phục hồi môi trường khu vực moong khai thác: hoàn thổ một phần diện tích, phần còn lại cải tạo thành hồ chứa nước; cải tạo bờ moong giạt cấp đảm bảo an toàn-kỹ thuật; trồng cây xung quanh khu vực bờ moong và các khu vực khác; lắp đặt biển báo;

- Cải tạo khu vực xung quanh khai trường: đắp đê xung quanh moong khai thác; cải tạo khu vực bãi thải chính và trồng cây xanh trên toàn diện tích hoàn thổ 5,25ha.

- Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khác: quan trắc môi trường trong quá trình cải tạo; cải tạo tuyến đường vận chuyển nội bộ; lắp đặt cống thoát nước moong; đắp đê, gia cố đê bao; nạo vét suối, nạo vét mương dẫn nước; dọn dẹp đáy moong;...

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.052.799.489 đồng sẽ được ký quỹ 15 lần, cụ thể như sau:

- + Lần 1 (năm thứ 1), số tiền: 210.226.000 đồng, thời điểm ký quỹ trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt Phương án bổ sung.

- + Lần 2 (năm thứ 2) đến lần thứ 15 (năm thứ 15), số tiền mỗi lần: 60.184.000 đồng.

Thời gian ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã được nêu trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

3.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_t = 0,9$; $K_r = 1,2$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT cột B;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, tai nạn giao thông thủy, sạt lở bờ hồ, các rủi ro và sự cố môi trường khác trong quá trình khai thác.

3.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 3 tháng 01 lần; định kỳ báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn nước thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4 Các yêu cầu về chế độ báo cáo

Lập hồ sơ hoàn thành phương án bổ sung sau khi hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án bổ sung được phê duyệt và gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung Phương án bổ sung được thực hiện trong quá trình nghiệm thu kết quả thực hiện Phương án đóng cửa mỏ (nội dung quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản bao gồm nội dung xác nhận hoàn thành toàn bộ Phương án bổ sung).

3.5 Các yêu cầu sau khi kết thúc khai thác

Thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng nội dung Phương án bổ sung đã nêu.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Quyết định phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Điều 6. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, SNN&PTNT;
- UBND huyện Phú Giáo;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Thao5

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số: 5226/GXN-STNMT

Bình Dương, ngày/.. tháng/.. năm 2018

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án khai thác lộ thiên mỏ sét Đồng Chỉnh, công suất 400.000 m³/năm
tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo của Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp

Địa chỉ văn phòng: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Địa điểm hoạt động: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.36258278; fax: 0274.3625379

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3700762464

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 9): ngày 03 tháng 8 năm 2016

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1923/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của
Dự án khai thác lộ thiên mỏ sét Đồng Chỉnh, công suất 400.000 m³/năm tại
xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo của Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp (tại Phụ
lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành
và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4
của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi
trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là
căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp
luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận: ✓

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phòng TNMT huyện Phú Giáo;
- Công ty cổ phần gạch ngói Cao Cấp;
- Lưu: VT, CCBVMT, Thành 5.



Nguyễn Hồng Nguyên



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 522/GXN-STNMT ngày 8.. tháng 11.. năm 2018
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:

- Đã xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt từ văn phòng mỏ, nước thải sinh hoạt của công nhân khai thác tại khai trường Công ty sử dụng nhà vệ sinh di động; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công trình xử lý nước thải sản xuất bao gồm:

+ Nước từ quá trình tháo khô mỏ sét và nước mưa chảy tràn trong moong khai thác được Công ty trang bị máy bơm để bơm từ hố thu có kích thước dài (80m) x rộng (45m) x sâu (6m) qua đường dẫn dài khoảng 100m rồi chảy vào moong khai thác cũ (hồ lắng 1), sau đó chảy vào hồ lắng 2 có kích thước dài (105m) x rộng (78m) x sâu (18m) qua mương thoát nước rồi chảy vào suối Con Heo rồi ra suối Đồng Chinh.

+ Khu vực moong khai thác đã được xây dựng bờ đê xung quanh để ngăn nước bên ngoài chảy tràn vào và trồng cây xanh khu vực khai thác; có lắp đặt biển báo hiệu khu vực nguy hiểm nhằm cảnh báo và phòng chống tai nạn.

So với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì trong quá trình hoạt động Công ty có một số thay đổi, điều chỉnh như sau:

- Nước thải sinh hoạt từ văn phòng mỏ chỉ xử lý qua bể tự hoại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; nước thải sinh hoạt của công nhân khai thác tại khai trường Công ty sử dụng nhà vệ sinh di động và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất tại Văn bản số 4586/STNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 10 năm 2018.

- Không lắp đặt công trình xử lý nước rửa xe vì hiện nay Công ty chỉ thuê 02 xe vận chuyển đất phủ trong mỏ, không có hoạt động rửa xe tại mỏ nên không phát sinh nước rửa xe.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Công ty có trang bị xe tưới nước có thể tích khoảng 9m³ từ khu mỏ để giảm thiểu bụi với tần suất 3 lần/ngày vào những tháng mùa khô và lúc trời nắng và lắp đặt hệ thống phun nước chạy dọc 02 bên tuyến đường vận chuyển tại khu mỏ; đồng thời trồng cây xanh quanh khu vực mỏ..

- Đất sét sau khai thác được Công ty vận chuyển bằng xe tải có sử dụng bạt che để hạn chế rơi vãi đất sét trên đường vận chuyển.

3. Công trình quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Đối với các chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên: Đã trang bị các thùng nhựa dung tích 120 lít có nắp đậy kín

đặt tại các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý;

+ Đối với các chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất như: đất từ quá trình bóc tầng phủ được Công ty lưu giữ tại bãi thải, một phần đắp đê xung quanh moong khai thác và sẽ được sử dụng để hoàn thổ sau khi kết thúc khai thác. Công ty đã thực hiện việc đắp đê nhằm ngăn nước mưa chảy tràn đối với bãi thải.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH):

+ Đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã QLCTNH: 74.001497.T (cấp lần 1 ngày 12 tháng 7 năm 2011).

+ Đã xây dựng nhà chứa CTNH có diện tích 10m². Nhà chứa CTNH cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Các CTNH định kỳ được chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã trồng cây tràm khu vực moong khai thác; có lắp đặt biển báo hiệu khu vực nguy hiểm nhằm phòng chống tai nạn lao động.

- Đã đắp đê bao quanh khu vực moong khai thác để ngăn nước bên ngoài chảy tràn vào moong khai thác.

- Đã thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho năm 2018 và được Quỹ Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại Giấy xác nhận số 131/GXN-QBVMТ ngày 05 tháng 6 năm 2018 với số tiền 522.829.127 đồng.

- Đã thực hiện quan trắc chất lượng môi trường.

- Đã lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định.

- Đã thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp định kỳ theo quy định.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số 5316/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01 tháng 11 năm 2018".

6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Sét gạch ngói)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ giấy phép thăm dò khoáng sản số 115/GP-UBND ngày 24/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê chuẩn báo cáo kết quả thăm dò mỏ sét gạch ngói Đồng Chanh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp; Giấy phép khai thác khoáng sản sét gạch ngói số 67/GP-UBND ngày 22/6/2009 và giấy phép khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng số 68/GP-UBND ngày 10/11/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp;

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 14/05/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác lộ thiên mỏ sét Đồng Chanh, công suất 400.000m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp; Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét gạch ngói Đồng Chanh công suất 70.000m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo của Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp; Quyết định số 479/QĐ-STNMT ngày



16/04/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án khai thác lộ thiên mỏ sét gạch ngói Đồng Chính, công suất 250.000m³/năm tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản của Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ngày 29/03/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 182/TTr- STNMT ngày 18 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp khai thác sét gạch gói bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ sét gạch ngói Đồng Chính giai đoạn 2, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Các thông số giấy phép như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 22,9ha được giới hạn bởi 09 điểm mốc có toạ độ xác định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Giấy phép này.

2. Trữ lượng:

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 4.516.306m³ nguyên khối.

- Trữ lượng tồn thất: 1.015.193m³ nguyên khối (chứa trụ bảo vệ, con đường trong mỏ, hào vận chuyển, sét lót đáy).

- Trữ lượng khai thác sét gạch ngói: 3.501.113m³ nguyên khối. Trong đó:

+ Trữ lượng cấp 111 (đã khai thác từ năm 2009 đến tháng 12/2018) là: 1.148.600m³.

+ Trữ lượng cấp 121 tiếp tục huy động vào khai thác: 2.352.513m³.

3. Công suất khai thác: Sét gạch ngói 250.000m³ nguyên khối/năm.

4. Thời hạn khai thác: 10 năm 06 tháng, kể từ ngày ký.

Điều 2. Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác sét gạch ngói theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; xác định toạ độ, cắm mốc ranh giới phạm vi khu vực được phép khai thác; lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác, lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu thông tin, số liệu liên quan theo khoản 2, Điều 42, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, bàn giao mặt bằng; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Đồng Chính đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn công trình theo thiết kế mỏ; Giữ nguyên con đường hiện hữu trong mỏ, phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản sét gạch ngói số 67/GP-UBND ngày 22/6/2009 và giấy phép khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng số 68/GP-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty cổ phần Gạch ngói Cao Cấp.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương tỉnh Bình Dương, Thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./. *e*

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Tổng Cục ĐC&KS;
- Cục KSHĐKS Miền Nam;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Phú Giáo;
- UBND xã Phước Hòa;
- Cty CP GNCC;
- LĐVP (Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT *ng*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Đăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Phụ lục số 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC TẠI MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG
CHINH GIAI ĐOẠN 2, XÃ PHƯỚC HÒA, HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH
DƯƠNG**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 53/GP-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Số hiệu mốc	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	M7	1238-931	606-746
2	M8	1238-832	606-676
3	M9	1238-869	606-614
4	M10	1238-835	606-576
5	M15	1238-425	606-639
6	M17	1238-407	606-811
7	M18	1238-368	606-958
8	M19	1238-380	607-006
9	M4	1238-690	607-215
		Diện tích: 22,9ha	

Giấy phép khai thác số 53/GP-UBND ngày 17/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần gạch ngói Cao Cấp đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Số đăng ký 2627/ĐK-STNMT ngày 24 tháng 05 năm 2019

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thúy

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 258/TTr-STNMT ngày 27 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp; địa chỉ: số 246, khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải từ công trình xả thải: Mỏ sét Đồng Chính - ấp Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Đồng Chính – sông Bé;
2. Vị trí xả nước thải:
- Tọa độ vị trí xả nước thải : X: 12.38.398; Y: 06.88.929



- Địa chỉ: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 6 giờ/ngày;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,1 đối với các thông số pH, SS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 3 năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Đồng Chính cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, BOD, COD, TSS, nitrit, nitrat, phosphat, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 132/GP-UBND ngày 20/7/2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QLTTN;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Phú Giáo;
- Cty CP Gạch ngói Cao cấp ;
- LĐVP (Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VTcs



Mai Hùng Dũng

Số: 20 - RTT /HĐ – KT/22

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700762464 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần 4) ngày 23/11/2009

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ: 246, Khu Phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743.658278

Fax: 02743.625379

Tài khoản số:.....

Tại:.....

MST: 3700762464

Do Ông/Bà: **Trương Văn Hiện**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Sét gạch ngói



BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào ngày thứ 06 tuần thứ 01 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Mỏ Sét Đồng Chính (Địa chỉ: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng	300	300.000	500.000	800.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Phú Hải	Nguyenphuhai63@gmail.com	0908279233

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3 Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

Số: 20 - RNH/HĐ – KT/22

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số 74.001.497.T, ngày 12 tháng 07 năm 2011 do Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700762464 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần 4) ngày 23/11/2009

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ: 246, Khu Phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743.658278

Fax: 02743.625379

Tài khoản số:.....

Tại:.....

MST: 3700762464

Do Ông/Bà: **Trương Văn Hiện**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: ...3700762464.TVCC



Ngành sản xuất: Sét gạch ngói

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào ngày thứ 04 tuần thứ 03 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Mỏ Sét Đồng Chinh (Địa chỉ: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Giẻ lau dính dầu nhớt, mỡ	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	800.000
02	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
03	Bao bì mềm dính hóa chất	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	7.000	
04	Can nhựa dính hóa chất	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt	7.000	
05	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/Chôn	20.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Phú Hải	Nguyenphuhai63@gmail.com	0908279233

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1– khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên B khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.

- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Trương Văn Thiện



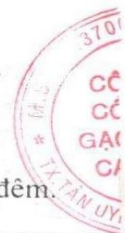
Ngô Chí Thăng
Phó Giám Đốc

Liên 3: màu xanh (Nội bộ)

**SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**
MỎ SGN ĐỒNG CHINH, XÃ PHƯỚC HÒA,
HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.



S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	01/01/2021	Từ 8.h.45.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h05'	410	Thái Văn Hoàng
		Từ 10.h.50.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
2	03/01/2021	Từ...h....phút	Từ 12.h.0.phút	Từ...h....phút	2h0'	400	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ 16.h.0.phút	Từ 10.h.25.phút			
3	06/01/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.55.phút	Từ 21.h.10.phút	2h05'	410	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ 15.h.45.phút	Từ...h....phút			
4	09/01/2021	Từ 7.h.10.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Thái Văn Hoàng
		Từ 9.h.10.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
5	11/01/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 20.h.0.phút	2h20'	440	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 22.h.0.phút			
6	13/01/2021	Từ...h....phút	Từ 12.h.40.phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ 15.h.50.phút	Từ...h....phút			
7	15/01/2021	Từ 7.h.05.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h05'	410	Thái Văn Hoàng
		Từ 9.h.10.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
8	18/01/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.10.phút	Từ...h....phút	2h15'	430	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ 15.h.25.phút	Từ...h....phút			
9	19/01/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.0.phút	2h10'	420	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23.h.10.phút			
10	21/01/2021	Từ 4.h.45.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h0'	400	Thái Văn Hoàng
		Từ 6.h.45.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
11	23/01/2021	Từ...h....phút	Từ 14.h.05.phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ 16.h.15.phút	Từ...h....phút			
12	25/01/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.0.phút	2h20'	440	Thái Văn Hoàng
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23.h.20.phút			

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT



Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.

Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chỉnh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Công suất 200m³/ngày đêm.

Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/01/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.

Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	027/01/2021	Từ 8.h.10.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h55'	470	# Mai Văn Hoang
		Từ 10.h.15.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
2	29/01/2021	Từ...h....phút	Từ 12.h.30.phút	Từ...h....phút	2h20'	460	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ 14.h.50.phút	Từ...h....phút			
3	31/01/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 10.h.0.phút	2h55'	470	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 22.h.55.phút			
4		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
5	03/02/2021	Từ 9.h.05.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h25'	450	# Mai Văn Hoang
		Từ 11.h.30.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
6	07/02/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.10.phút	Từ...h....phút	2h25'	450	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ 15.h.55.phút	Từ...h....phút			
7	10/02/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.10.phút	2h20'	440	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23.h.30.phút			
8	12/02/2021	Từ...h....phút	Từ 15.h.0.phút	Từ...h....phút	2h55'	470	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ 15.h.35.phút	Từ...h....phút			
9	15/02/2021	Từ 8.h.20.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h05'	410	# Mai Văn Hoang
		Từ 10.h.25.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
10	17/02/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.05.phút	2h10'	420	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23.h.15.phút			
11	20/02/2021	Từ...h....phút	Từ 14.h.0.phút	Từ...h....phút	2h05'	410	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ 16.h.05.phút	Từ...h....phút			
12	23/02/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 19.h.05.phút	2h20'	440	# Mai Văn Hoang
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.25.phút			

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	26/02/2021	Từ...h....phút	Từ 12.h.40.phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Thị Mai Văn Hằng
2	28/02/2021	Từ...h....phút	Từ 15.h.50.phút	Từ...h....phút	2h05'	410	Thị Mai Văn Hằng
3		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
4	01/3/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 10.h.0.phút	2h55'	470	Thị Mai Văn Hằng
5	03/3/2021	Từ...h....phút	Từ 15.h.10.phút	Từ...h....phút	2h25'	450	Thị Mai Văn Hằng
6	05/3/2021	Từ 8.h.0.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h40'	480	Thị Mai Văn Hằng
7	07/3/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.10.phút	2h20'	460	Thị Mai Văn Hằng
8	09/3/2021	Từ...h....phút	Từ 14.h.10.phút	Từ...h....phút	2h	400	Thị Mai Văn Hằng
9	12/3/2021	Từ 8.h.40.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Thị Mai Văn Hằng
10	15/3/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 8.h.10.phút	2h10'	420	Thị Mai Văn Hằng
11	17/3/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.0.phút	Từ...h....phút	2h20'	460	Thị Mai Văn Hằng
12	20/3/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.10.phút	2h05'	410	Thị Mai Văn Hằng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	23/3/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 19.h.30.phút Từ 21.h.35.phút	2h05'	410	# Nai Văn Hoàng
2	26/3/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 11.h.45.phút Từ 13.h.50.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	# Nai Văn Hoàng
3	28/3/2021	Từ 4.h.45.phút Từ 7.h.55.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	# Nai Văn Hoàng
4	31/3/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 20.h.0.phút Từ 22.h.0.phút	2h	400	# Nai Văn Hoàng
5		Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
6	01/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.05.phút Từ 16.h.15.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	# Nai Văn Hoàng
7	03/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 11.h.40.phút Từ 19.h.55.phút	2h15'	430	# Nai Văn Hoàng
8	05/4/2021	Từ 9.h.10.phút Từ 11.h.20.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	# Nai Văn Hoàng
9	07/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.0.phút Từ 17.h.0.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h0'	400	# Nai Văn Hoàng
10	09/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.05.phút Từ 23.h.15.phút	2h10'	420	# Nai Văn Hoàng
11	12/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 13.h.40.phút Từ 15.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	# Nai Văn Hoàng
12	17/4/2021	Từ 8.h.30.phút Từ 10.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h15'	430	# Nai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	19/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 4.h.0.phút Từ 16.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h0'	420	Ph Mai Văn Hoàng
2	22/4/2021	Từ 9.h.10.phút Từ 12.h.15.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	Ph Mai Văn Hoàng
3	26/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 19.h.0.phút Từ 2.h.05.phút	2h05'	410	Ph Mai Văn Hoàng
4	28/4/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.20.phút Từ 17.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	Ph Mai Văn Hoàng
5	30/4/2021	Từ 9.h.45.phút Từ 11.h.50.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	Ph Mai Văn Hoàng
6	x x x x	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
7	08/5/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10.phút Từ 16.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h20'	440	Ph Mai Văn Hoàng
8	12/5/2021	Từ 7.h.10.phút Từ 9.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h20'	440	Ph Mai Văn Hoàng
9	17/5/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 13.h.45.phút	Từ 21.h.15.phút Từ 23.h.30.phút	2h15'	430	Ph Mai Văn Hoàng
10	25/5/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.55.phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	Ph Mai Văn Hoàng
11	28/5/2021	Từ 7.h.30.phút Từ 9.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h15'	430	Ph Mai Văn Hoàng
12	31/5/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.10.phút Từ 23.h.20.phút	2h20'	440	Ph Mai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	06/6/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10 phút Từ 16.h.20 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 10'	420	☐ Mai Văn Hoàng
2	12/6/2021	Từ 6.h.40 phút Từ 8.h.55 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 15'	430	☐ Mai Văn Hoàng
3	17/6/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 19.h.05 phút Từ 21.h.10 phút	2h 05'	410	☐ Mai Văn Hoàng
4	21/6/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 13.h.35 phút Từ 15.h.45 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 10'	420	☐ Mai Văn Hoàng
5	28/6/2021	Từ 7.h.10 phút Từ 9.h.20 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 20'	440	☐ Mai Văn Hoàng
6	30/6/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 20.h.0 phút Từ 22.h.0 phút	2h 0'	400	☐ Mai Văn Hoàng
7	X X X	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 14.h.10 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
8	03/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10 phút Từ 16.h.20 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 10'	420	☐ Mai Văn Hoàng
9	05/7/2021	Từ 7.h.45 phút Từ 9.h.50 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 05'	410	☐ Mai Văn Hoàng
10	06/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.0 phút Từ 23.h.0 phút	2h	400	☐ Mai Văn Hoàng
11	09/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.05 phút Từ 17.h.20 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 15'	430	☐ Mai Văn Hoàng
12	11/7/2021	Từ 8.h.10 phút Từ 10.h.20 phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h 10'	420	☐ Mai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.



S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	15/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.10.phút Từ 23.h.10.phút	2h	400	✍ Mai Văn Hoàng
2	18/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 13.h.30.phút Từ 15.h.35.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	✍ Mai Văn Hoàng
3	21/7/2021	Từ 8.h.45.phút Từ 10.h.55.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	✍ Mai Văn Hoàng
4	24/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.0.phút Từ 23.h.20.phút	2h20'	440	✍ Mai Văn Hoàng
5	27/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10.phút Từ 16.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h20'	440	✍ Mai Văn Hoàng
6	29/7/2021	Từ 8.h.40.phút Từ 9.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	✍ Mai Văn Hoàng
7	31/7/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 22.h.0.phút Từ 0.h.10.phút	2h10'	420	✍ Mai Văn Hoàng
8	X X X	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
9	08/8/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.10.phút Từ 17.h.20.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	✍ Mai Văn Hoàng
10	12/8/2021	Từ 8.h.05.phút Từ 10.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	✍ Mai Văn Hoàng
11	16/8/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.30.phút Từ 23.h.30.phút	2h6'	400	✍ Mai Văn Hoàng
12	20/8/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.0.phút Từ 16.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	✍ Mai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chính, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	24/8/2021	Từ 6.h.40 phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h15'	430	☞ Mai Văn Hoàng
2	27/8/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.30 phút	Từ...h....phút	2h05'	410	☞ Mai Văn Hoàng
3	30/8/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.10 phút	2h20'	440	☞ Mai Văn Hoàng
4	X X X	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
5	05/9/2021	Từ 5.h.10 phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h10'	420	☞ Mai Văn Hoàng
6	08/9/2021	Từ...h....phút	Từ 13.h.45 phút	Từ...h....phút	2h05'	410	☞ Mai Văn Hoàng
7	12/9/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21.h.30 phút	2h10'	420	☞ Mai Văn Hoàng
8	16/9/2021	Từ...h....phút	Từ 15.h.00 phút	Từ...h....phút	2h20'	440	☞ Mai Văn Hoàng
9	19/9/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h15'	430	☞ Mai Văn Hoàng
10	23/9/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 22.h.50 phút	2h10'	420	☞ Mai Văn Hoàng
11	26/9/2021	Từ...h....phút	Từ 12.h.30 phút	Từ...h....phút	2h15'	430	☞ Mai Văn Hoàng
12	29/9/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23.h.30 phút	2h20'	440	☞ Mai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

37
C
C
G
A
C

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	05/10/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 4.h.10.phút Từ 11.h.20.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h20'	440	☐ Mai Văn Hoang
2	08/10/2021	Từ 8.h.40.phút Từ 9.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	☐ Mai Văn Hoang
3	12/10/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 21.h.35.phút Từ 23.h.50.phút	2h15'	480	☐ Mai Văn Hoang
4	15/10/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 13.h.45.phút Từ 15.h.50.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	☐ Mai Văn Hoang
5	18/10/2021	Từ 8.h.10.phút Từ 10.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoang
6	22/10/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 22.h.00.phút Từ 0.h.10.phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoang
7	26/10/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 16.h.30.phút Từ 16.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoang
8	29/10/2021	Từ 9.h.30.phút Từ 9.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h	480	☐ Mai Văn Hoang
9	x x x	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
10	03/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 20.h.10.phút Từ 22.h.40.phút	2h30'	440	☐ Mai Văn Hoang
11	05/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 15.h.00.phút Từ 17.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoang
12	08/11/2021	Từ 7.h.35.phút Từ 9.h.40.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	☐ Mai Văn Hoang

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chỉnh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 56/GP-UBND ngày 03/6/2019 lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	11/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 12.h.40.phút Từ 14.h.50.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoàng
2	16/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 23.h.30.phút	Từ 2.h.30.phút Từ 23.h.30.phút	2h	400	☐ Mai Văn Hoàng
3	20/11/2021	Từ 8.h.45.phút Từ 10.h.50.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	☐ Mai Văn Hoàng
4	24/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 13.h.40.phút Từ 15.h.45.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h15'	430	☐ Mai Văn Hoàng
5	26/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 21.h.10.phút	Từ...h....phút Từ 23.h.30.phút	2h20'	440	☐ Mai Văn Hoàng
6	28/11/2021	Từ 7.h.30.phút Từ 9.h.35.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h05'	410	☐ Mai Văn Hoàng
7	30/11/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10.phút Từ 16.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h20'	440	☐ Mai Văn Hoàng
8	X X X	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút			
9	03/12/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 21.h.15.phút	Từ...h....phút Từ 23.h.25.phút	2h20'	440	☐ Mai Văn Hoàng
10	06/12/2021	Từ...h....phút Từ 8.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h0'	400	☐ Mai Văn Hoàng
11	08/12/2021	Từ...h....phút Từ 10.h.30.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ...h....phút Từ 19.h.0.phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoàng
12	12/12/2021	Từ...h....phút Từ...h....phút	Từ 14.h.10.phút Từ 16.h.10.phút	Từ...h....phút Từ...h....phút	2h10'	420	☐ Mai Văn Hoàng

SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG MÁY BƠM NƯỚC MỎ SÉT

- Công ty Cổ phần gạch ngói cao cấp.
- Địa chỉ: Văn phòng mỏ sét Đồng Chinh, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất 200m³/ngày đêm.
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 132/GP-UBND ngày 20/7/2016, lưu lượng xả thải lớn nhất 500m³/ngày đêm.
- Tọa độ xả thải: X: 12.38.398; Y: 06.88.929; xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

S T T	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian, sản lượng hoạt động			Chế độ Khai thác (giờ/ngày)	Lưu Lượng xả thải (m ³ /ngày đêm)	Người theo dõi (ký ghi rõ họ tên)
		Sáng	Chiều	Đêm			
1	16/12/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 20h.0.phút	2h20'	440	Đ. Núi Văn Hạng
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 22h.20 phút			
2	19/12/2021	Từ...h....phút	Từ 14h.45.phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Đ. Núi Văn Hạng
		Từ...h....phút	Từ 16h.45.phút	Từ...h....phút			
3	23/12/2021	Từ 8h.0.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút	2h10'	420	Đ. Núi Văn Hạng
		Từ 10h.10.phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
4	25/12/2021	Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 21h.10.phút	2h10'	420	Đ. Núi Văn Hạng
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ 23h.20 phút			
5	30/12/2021	Từ...h....phút	Từ 18h.45.phút	Từ...h....phút	2h05'	410	Đ. Núi Văn Hạng
		Từ...h....phút	Từ 19h.50.phút	Từ...h....phút			
6		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
7		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
8		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
9		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
10		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
11		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
12		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			
		Từ...h....phút	Từ...h....phút	Từ...h....phút			

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
SỔ THEO DÕI LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH

Tháng 01 năm 2022

Đơn vị tính: m³

Ngày/ Tháng / Năm	Công suất bơm giờ (m ³ /h)	Thời gian bơm (h)	Số lượng nước xả thải (m ³)	Ghi chú (Lũy kế)
1-1-2022	200	2	400	400
2-1-2022	200	0	0	400
3-1-2022	200	1	200	600
4-1-2022	200	1	200	800
5-1-2022	200	2	400	1.200
6-1-2022	200	1	200	1.400
7-1-2022	200	1	200	1.600
8-1-2022	200	1	200	1.800
9-1-2022	200	0	0	1.800
10-1-2022	200	1	200	2.000
11-1-2022	200	2	400	2.400
12-1-2022	200	1	200	2.600
13-1-2022	200	2	400	3.000
14-1-2022	200	1	200	3.200
15-1-2022	200	1	200	3.400
16-1-2022	200	0	0	3.400
17-1-2022	200	1	200	3.600
18-1-2022	200	2	400	4.000
19-1-2022	200	1	200	4.200
20-1-2022	200	1	200	4.400
21-1-2022	200	1	200	4.600
22-1-2022	200	1	200	4.800
23-1-2022	200	0	0	4.800
24-1-2022	200	2	400	5.200
25-1-2022	200	1	200	5.400
26-1-2022	200	2	400	5.800
27-1-2022	200	1	200	6.000
28-1-2022	200	0	0	6.000
29-1-2022	200	1	200	6.200
30-1-2022	200	2	400	6.600
31-1-2022	200	0	0	6.600
Tổng		33	6600	6.600

Chú thích:(-) Không bơm

Số ngày xả thải:

25

Lưu lượng TB: (m³/ngày)

264

Người lập sổ


 Nguyễn Công Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
SỔ THEO DÕI LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH

Tháng 02 năm 2022

Đơn vị tính: m³

Ngày/ Tháng / Năm	Công suất bơm giờ (m ³ /h)	Thời gian bơm (h)	Số lượng nước xả thải (m ³)	Ghi chú (Lũy kế)
1-2-2022	200	0	0	6.600
2-2-2022	200	1	200	6.800
3-2-2022	200	0	0	6.800
4-2-2022	200	0	0	6.800
5-2-2022	200	1	200	7.000
6-2-2022	200	0	0	7.000
7-2-2022	200	1	200	7.200
8-2-2022	200	2	400	7.600
9-2-2022	200	1	200	7.800
10-2-2022	200	2	400	8.200
11-2-2022	200	2	400	8.600
12-2-2022	200	1	200	8.800
13-2-2022	200	0	0	8.800
14-2-2022	200	1	200	9.000
15-2-2022	200	1	200	9.200
16-2-2022	200	1	200	9.400
17-2-2022	200	2	400	9.800
18-2-2022	200	1	200	10.000
19-2-2022	200	1	200	10.200
20-2-2022	200	0	0	10.200
21-2-2022	200	1	200	10.400
22-2-2022	200	2	400	10.800
23-2-2022	200	1	200	11.000
24-2-2022	200	1	200	11.200
25-2-2022	200	2	400	11.600
26-2-2022	200	1	200	11.800
27-2-2022	200	0	0	11.800
28-2-2022	200	1	200	12.000
Tổng		27	5400	12.000

Chú thích: (-) Không bơm

Số ngày xả thải: 21

Lưu lượng TB: (m³/tháng) 257

Người lập sổ



Nguyễn Công Hà



Giám đốc

Trương Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
SỔ THEO DÕI LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH

Tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: m³

Ngày/ Tháng / Năm	Công suất bơm giờ (m ³ /h)	Thời gian bơm (h)	Số lượng nước xả thải (m ³)	Ghi chú (Lũy kế)
1-3-2022	200	2	400	12.400
2-3-2022	200	1	200	12.600
3-3-2022	200	1	200	12.800
4-3-2022	200	2	400	13.200
5-3-2022	200	1	200	13.400
6-3-2022	200	0	0	13.400
7-3-2022	200	1	200	13.600
8-3-2022	200	2	400	14.000
9-3-2022	200	1	200	14.200
10-3-2022	200	1	200	14.400
11-3-2022	200	2	400	14.800
12-3-2022	200	1	200	15.000
13-3-2022	200	0	0	15.000
14-3-2022	200	1	200	15.200
15-3-2022	200	1	200	15.400
16-3-2022	200	2	400	15.800
17-3-2022	200	1	200	16.000
18-3-2022	200	2	400	16.400
19-3-2022	200	1	200	16.600
20-3-2022	200	0	0	16.600
21-3-2022	200	1	200	16.800
22-3-2022	200	1	200	17.000
23-3-2022	200	2	400	17.400
24-3-2022	200	1	200	17.600
25-3-2022	200	1	200	17.800
26-3-2022	200	1	200	18.000
27-3-2022	200	0	0	18.000
28-3-2022	200	1	200	18.200
29-3-2022	200	1	200	18.400
30-3-2022	200	2	400	18.800
31-3-2022	200	1	200	19.000
Tổng		35	7000	19.000

Chú thích: (-) Không bơm

Số ngày xả thải: 27

Lưu lượng TB: (m³/tháng) 259

Người lập sổ


 Nguyễn Công Hà

Giám đốc

 Trương Văn Hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
SƠ THEO DÕI LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
 Tháng 04 năm 2022

Đơn vị tính: m³

Ngày/ Tháng / Năm	Công suất bơm giờ (m ³ /h)	Thời gian bơm (h)	Số lượng nước xả thải (m ³)	Ghi chú (Lũy kế)
1-4-2022	200	1	200	19.200
2-4-2022	200	0	0	19.200
3-4-2022	200	0	0	19.200
4-4-2022	200	0	0	19.200
5-4-2022	200	1	200	19.400
6-4-2022	200	1	200	19.600
7-4-2022	200	0	0	19.600
8-4-2022	200	1	200	19.800
9-4-2022	200	0	0	19.800
10-4-2022	200	1	200	20.000
11-4-2022	200	0	0	20.000
12-4-2022	200	1	200	20.200
13-4-2022	200	0	0	20.200
14-4-2022	200	1	200	20.400
15-4-2022	200	1	200	20.600
16-4-2022	200	0	0	20.600
17-4-2022	200	1	200	20.800
18-4-2022	200	0	0	20.800
19-4-2022	200	1	200	21.000
20-4-2022	200	1	200	21.200
21-4-2022	200	0	0	21.200
22-4-2022	200	1	200	21.400
23-4-2022	200	0	0	21.400
24-4-2022	200	0	0	21.400
25-4-2022	200	0	0	21.400
26-4-2022	200	0	0	21.400
27-4-2022	200	0	0	21.400
28-4-2022	200	0	0	21.400
29-4-2022	200	0	0	21.400
30-4-2022	200	0	0	21.400
Tổng		12	2400	21.400

Chú thích: (0) Không bơm

Số ngày xả thải:

16

Lưu lượng TB: (m³/tháng)

150

Người lập sổ

Vũ Xuân Nghiệm



Giám đốc

Trương Văn Hiên

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
SỔ THEO DÕI LƯỢNG NƯỚC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
 Tháng 05 năm 2022

Đơn vị tính: m³

Ngày/ Tháng / Năm	Công suất bơm giờ (m ³ /h)	Thời gian bơm (h)	Số lượng nước xả thải (m ³)	Ghi chú (Lũy kế)
01-05-2021	200	0	0	21.400
02-05-2021	200	1	200	21.600
03-05-2021	200	0	0	21.600
04-05-2021	200	0	0	21.600
05-05-2021	200	1	200	21.800
06-05-2021	200	0	0	21.800
07-05-2021	200	0	0	21.800
08-05-2021	200	0	0	21.800
09-05-2021	200	1	200	22.000
10-05-2021	200	0	0	22.000
11-05-2021	200	1	200	22.200
12-05-2021	200	0	0	22.200
13-05-2021	200	0	0	22.200
14-05-2021	200	1	200	22.400
15-05-2021	200	0	0	22.400
16-05-2021	200	0	0	22.400
17-05-2021	200	0	0	22.400
18-05-2021	200	0	0	22.400
19-05-2021	200	0	0	22.400
20-05-2021	200	0	0	22.400
21-05-2021	200	1	200	22.600
22-05-2021	200	0	0	22.600
23-05-2021	200	0	0	22.600
24-05-2021	200	0	0	22.600
25-05-2021	200	0	0	22.600
26-05-2021	200	1	200	22.800
27-05-2021	200	0	0	22.800
28-05-2021	200	0	0	22.800
29-05-2021	200	0	0	22.800
30-05-2021	200	0	0	22.800
31-05-2021	200	0	0	22.800
Tổng		7	1400	22.800

Chú thích: (0) Không bơm

Số ngày xả thải:

Lưu lượng TB: (m³/tháng)

Người lập sổ

Võ Xuân Nguyên

7
200



Giám đốc

Trương Văn Hiện

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 316/03-20

Mã mẫu: 2003N550 (132/03-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/03/2020 **Ngày trả kết quả:**
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	6,89
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	19
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2008	20
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	38
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 6179-1996	0,564
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000	5,83
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	0,52
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	410

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 319/03-20

Mã mẫu: 2003K553-2003K556 (132/03-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐÔNG CHINH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/03/2020 **Ngày trả kết quả**: 27/03/2020

Thời gian lưu mẫu : Không lưu

Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: KK1 khu vực văn phòng gần khu dân cư
: KK2 khu vực đường xuống moong khai thác
: KK3 khu vực giữa moong khai thác
: KK4 khu vực điểm cuối cùng của mỏ

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	65,6	59,9	52,9	51,4
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5087-1995	0,218	0,371	0,362	0,342
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971-1995	0,067	0,063	0,054	0,051
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137-2009	0,065	0,054	0,042	0,045
5	CO	mg/m ³	52 TCN 352-89	4,11	3,79	3,35	3,63

*Ghi Chú: KPH: Không phát hiện***PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Trưởng phòng**PHẠM THANH TOÀN****KT.GIÁM ĐỐC**
Phó Giám Đốc**HOÀNG VĂN TÍN**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 519/06-20

Mã mẫu: 2006N1036 (204/06-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 18/06/2020 **Ngày trả kết quả**: 25/06/2020
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,19
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	23
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2008	8
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	15
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 6179-1996	0,342
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000	2,87
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	0,25
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	270

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 521/06-20

Mã mẫu: 2006K1038-2006K1041 (204/06-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 18/06/2020 **Ngày trả kết quả**: 25/06/2020
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: KK1 khu vực văn phòng gần khu dân cư
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực đường xuống moong khai thác
: KK3 khu vực giữa moong khai thác
: KK4 khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	57,9	56,5	56,2	55,6
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5087-1995	0,187	0,225	0,204	0,168
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971-1995	0,052	0,057	0,048	0,046
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137-2009	0,045	0,051	0,032	0,035
5	CO	mg/m ³	52 TCN 352-89	3,69	3,16	2,94	2,78

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 131/09-20

Mã mẫu: 2009N452 (103/09-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 17/09/2020 **Ngày trả kết quả**: 24/09/2020
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,33
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	24
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2008	7
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	15
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 6179-1996	0,246
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000	3,83
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	0,36
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	250

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 133/09-20

Mã mẫu: 2009K455-2009K458 (103/09-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 17/09/2020 **Ngày trả kết quả:** 24/09/2020
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK1** khu vực văn phòng gần khu dân cư
: **KK2** khu vực đường xuống moong khai thác
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK3** khu vực giữa moong khai thác
: **KK4** khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	53,2	62,7	67,6	54,3
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5087-1995	0,128	0,328	0,404	0,153
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971-1995	0,046	0,059	0,073	0,056
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137-2009	0,037	0,051	0,062	0,048
5	CO	mg/m ³	52 TCN 352-89	2,75	3,41	4,58	3,29

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 095/12-20

Mã mẫu: 2012N158 (039/12-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/12/2020 **Ngày trả kết quả**: 10/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	6,87
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	18
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2008	10
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	19
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 6179-1996	1,89
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000	4,36
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	0,27
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	90

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 097/12-20

Mã mẫu: 2012K160-2012K163 (039/12-20) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/12/2020 **Ngày trả kết quả**: 10/12/2020

Thời gian lưu mẫu : Không lưu

Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực văn phòng gần khu dân cư
: **KK2** khu vực đường xuống moong khai thác
: **KK3** khu vực giữa moong khai thác
: **KK4** khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	60,2	63,7	65,5	66,2
2	Bụi	mg/m ³	TCVN 5087-1995	0,218	0,725	0,542	0,568
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971-1995	0,064	0,071	0,061	0,059
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137-2009	0,057	0,063	0,054	0,053
5	CO	mg/m ³	52 TCN 352-89	4,25	4,89	3,62	3,46

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 161/03-21

Mã mẫu: 2103N353 (078/03-21) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 09/03/2021 **Ngày trả kết quả**: 16/03/2021
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải sản xuất
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	6,77
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	15
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2008	13
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	24
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 6179-1996	0,71
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000	3,86
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	0,34
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	230

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 162/03-21

Mã mẫu: 2103N354 (078/03-21) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
 Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu : 09/03/2021 **Ngày trả kết quả**: 16/03/2021

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước mặt

Mô tả mẫu : Nước hơi đục

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại suối Đồng Chính (suối con Heo)

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	6,75
2	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	9
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	6
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C-2012	13
5	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	0,024
6	NO ₃ ⁻ (theo N)	mg/L	TCVN 6180-1996	0,138
7	NO ₂ ⁻ (theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH
8	PO ₄ ³⁻ (theo P)	mg/L	TCVN 6202-2008	0,025
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	400

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

PHÒNG THÍ NGHIỆM
 Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 554/06-21

Mã mẫu: 2106N201 (056/06-21) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2021 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2021
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,56
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	9
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	7
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,684
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	3,11
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,35
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	210

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Phó phòng



LÊ MINH HIỀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 556/06-21

Mã mẫu: 2106K204-2106K207 (056/06-21) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2021 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2021

Thời gian lưu mẫu : Không lưu

Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực văn phòng gần khu dân cư
: **KK2** khu vực đường xuống moong khai thác
: **KK3** khu vực giữa moong khai thác
: **KK4** khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	62,1	58,2	59,7	55,5
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,144	0,158	0,167	0,132
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,055	0,062	0,052	0,050
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,045	0,050	0,037	0,040
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	4,64	4,94	3,91	3,65

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Phó phòng



LÊ MINH HIỀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1084/11-21

Mã mẫu: 2111N321 (068/11-21) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/11/2021 **Ngày trả kết quả**: 27/11/2021
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	20
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	11
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	19
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	<0,93
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	2,53
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	760

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Phó phòng



LÊ MINH HIÊN

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1086/11-21

Mã mẫu: 2111K324-2111K327 (068/11-21) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP

Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/11/2021 **Ngày trả kết quả:** 27/11/2021

Thời gian lưu mẫu : Không lưu

Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực văn phòng gần khu dân cư
: **KK2** khu vực đường xuống moong khai thác
: **KK3** khu vực giữa moong khai thác
: **KK4** khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	62,7	69,2	64,3	54,3
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,158	0,429	0,311	0,172
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,063	0,072	0,06	0,058
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,055	0,062	0,054	0,053
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	4,22	4,88	3,62	3,51

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Phó phòng



LÊ MINH HIỀN

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 384/03-22

Mã mẫu: 2203N421 (043/03-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 02/03/2022 **Ngày trả kết quả:** 09/03/2022
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,83
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	8
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	9
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	18
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	<0,93
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	2,64
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,32
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	940

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 386/03-22

Mã mẫu: 2203K423-2203K426 (043/03-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 02/03/2022 **Ngày trả kết quả**: 09/03/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: KK1 khu vực văn phòng gần khu dân cư
: KK2 khu vực đường xuống moong khai thác
: KK3 khu vực giữa moong khai thác
: KK4 khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	69,7	68,4	51,3	50,1
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,211	0,542	0,425	0,149
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,058	0,081	0,073	0,051
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,053	0,075	0,058	0,046
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	3,89	5,24	4,16	2,67

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 385/03-22

Mã mẫu: 2203N422 (043/03-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 02/03/2022 **Ngày trả kết quả**: 09/03/2022
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại suối Đồng Chỉnh (suối con Heo)

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,87
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	10
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,153
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,78
7	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2009	1100

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 715/05-22

Mã mẫu: 2205N266 (062/05-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHINH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2022 Ngày trả kết quả: 02/06/2022
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 Lấy tại hồ lắng

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,97
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<6
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	12
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	<0,93
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	4,28
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,51
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	750

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM



LÊ MINH HIỀN

GIÁM ĐỐC




HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 717/05-22

Mã mẫu: 2205K268-2205K271 (062/05-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2022 **Ngày trả kết quả**: 02/06/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: KK1 khu vực văn phòng gần khu dân cư
: KK2 khu vực đường xuống moong khai thác
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK3 khu vực giữa moong khai thác
: KK4 khu vực điểm cuối cùng của mỏ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả			
				KK1	KK2	KK3	KK4
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN7878-2:2010	57,4	62,1	63,7	56,5
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,137	0,244	0,382	0,165
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,062	0,070	0,060	0,057
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,059	0,061	0,055	0,054
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	4,63	5,01	4,57	4,48

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM



LÊ MINH HIỀN

GIÁM ĐỐC




HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 716/05-22

Mã mẫu: 2205N267 (062/05-22) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP
Địa chỉ lấy mẫu : MỎ SÉT GẠCH NGÓI ĐỒNG CHÍNH
Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2022 **Ngày trả kết quả**: 02/06/2022
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Lấy tại suối Đồng Chính (suối con Heo)

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	20
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	8
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,279
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,307
7	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,038
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,06
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2009	640

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM



LÊ MINH HIỀN

GIÁM ĐỐC




HOÀNG VĂN TÙNG

PHỤC LỤC 3

CÁC BẢN VẼ